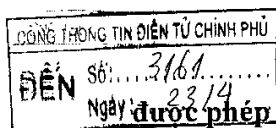


**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **21** /2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **17** tháng **4** năm 2013



THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật

**được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng và Danh mục bổ sung
giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng và Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong Nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 745 hoạt chất với 1662 tên thương phẩm
- Thuốc trừ bệnh: 552 hoạt chất với 1229 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 217 hoạt chất với 664 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 10 hoạt chất với 22 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 52 hoạt chất với 139 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 25 hoạt chất với 134 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trái): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm

b) Thuốc trừ mối: 13 hoạt chất với 19 tên thương phẩm

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 6 hoạt chất với 8 tên thương phẩm

d) Thuốc khử trùng kho: 3 hoạt chất với 3 tên thương phẩm

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ sâu: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm

- Thuốc trừ bệnh: 3 hoạt chất với 3 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm

e) Thuốc xử lý hạt giống.

- Thuốc trừ sâu: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong Nông nghiệp

- Thuốc trừ sâu: 2 hoạt chất với 4 tên thương phẩm

- Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất với 2 tên thương phẩm

b) Thuốc trừ mối: 2 hoạt chất với 2 tên thương phẩm

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 5 hoạt chất với 5 tên thương phẩm

d) Thuốc khử trùng kho: 3 hoạt chất với 9 tên thương phẩm

3. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam, Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 21 hoạt chất

b) Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất

c) Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất

d) Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất

4. Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam, phụ lục 4, kèm theo Thông tư này, gồm: 05 giống lúa, 03 giống nầm.

Điều 2. Các loại thuốc Vimoca 20EC; Suprathion 40EC; Hostathion 40EC; Agrosan 40EC, 50EC; Edisan 30EC; Kuang Hwa San 50EC; Vihino 40EC trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam chỉ được phép buôn bán, sử dụng đến ngày 25/8/2013.

Các loại thuốc Kosfuran 3GR; Vifuran 3GR; DuPont™ Lannate® 40SP, Supermor 24SL trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam chỉ được phép buôn bán, sử dụng đến ngày 25/8/2013.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng **6** năm 2013.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22/2/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Thông tư số 19/2012/TT-BNNPTNT ngày 2/5/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 2 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam;

c) Thông tư số 22/2012/TT-BNNPTNT ngày 5/6/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 2 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam;

d) Thông tư số 54/2012/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 2 năm 2012 và Thông tư số 22/2012/TT-BNNPTNT ngày 5 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 2 năm 2012.

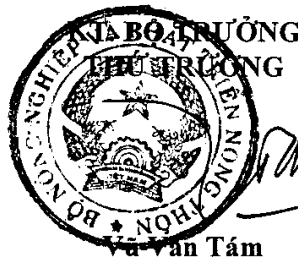
Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục BVTV các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, PC, BVTV, TT.



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số **21** /2013/TT-BNNPTNT ngày **17** tháng **4** năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

TT	MÃ HS	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỜ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
----	-------	---	---------------------------------	------------------------------------	------------------------------------

1. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:

1. Thuốc trừ sâu:

1	3808.10	Abamectin	Ababetter 1.8 EC, 3.6EC, 5EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ đũa hầu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chẻ 3.6EC: nhện đỏ/ quýt, bọ trĩ/ đũa hầu, rầy bông/ xoài; sâu cuốn lá/ lúa 5EC: nhện đỏ/ quýt; sâu cuốn lá/ lúa sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; bọ cánh tơ/ chẻ	Công ty TNHH MTV Lucky
			Abafax 1.8EC, 3.6EC		Công ty TNHH SX - TM Tò Ba
			Abagold 38EC, 55EC, 65EC	38EC: Sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/chẻ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam 55EC: nhện đỏ/ chẻ; sâu cuốn lá/lúa 65EC: Nhện gié/lúa, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/chẻ	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
			Abagro 1.8 EC, 4.0EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cây có múi 4.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cây có múi; sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ đũa hầu; sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ trĩ/ chẻ; sâu tơ/ cải bắp	Asiagro Pacific Ltd
			Abakill 1.8 EC, 3.6 EC, 10WP	1.8EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/ lúa; bọ trĩ/ xoài 3.6EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam 10WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ đũa hầu; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH MTV DV PTNN Đông Tháp

Abamec-MQ 50EC	Sâu khoang/lạc, nhện đỏ/chè	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M&Q
Abamine 1.8 EC, 3.6EC, 5WG, 5.4EC	1.8EC: sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua, sâu vẽ bùa/ cam 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, nhện đỏ/ cam, sâu xanh/ đậu tương, bọ trĩ/ dưa hấu 5WG: sâu tơ/ bắp cải; nhện gié/ lúa 5.4EC: sâu cuốn lá /lúa; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Thanh Điền
Aba-navi 5.5EC, 40EC	5.5EC: sâu cuốn lá/ lúa 40EC: nhện gié/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
Abapro 1.8 EC, 5.8EC	1.8EC: bọ trĩ/ chè, nhện đỏ/ cây có múi, sâu tơ/ bắp cải 5.8EC: rầy xanh/ chè, sâu cuốn lá/ lúa	Sundat (S) Pte Ltd
Abasuper 1.8EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC, 3.6EC, 5.55EC: sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 5.55EC: nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH Phú Nông
Aba thai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC, 6.5EC	1.8EC: bọ trĩ/ xoài, sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện/ cam; bọ trĩ/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.4EC: sâu vẽ bùa/ cam, nhện/ xoài; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 6.5EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ phấn/ lúa; nhện đỏ/xoài; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Abatimec 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá/ lúa; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương 3.6EC: bọ trĩ/ dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ cà chua; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
Abatin 1.8 EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ dưa chuột; sâu vẽ	Map Pacific PTE Ltd

	bùa/ cam	
	5.4EC: sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh ăn lá/ dưa chuột; dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ/ bắp cải	
Abatox 1.8EC, 3.6EC	1.8EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè 3.6EC: bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu
Abavec super 5.5EC, 7.5EC	5.5EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rầy bông/ xoài 7.5EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
Abekal 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
Abvertin 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Acenry 1.8 EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.5EC	1.8EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam 4.2EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
Acimetin 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5.6EC, 6.5EC, 8EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu 3.6EC: bọ trĩ, nhện gié/ lúa, rệp muội/ cam, rầy bông/ xoài 5EC: rầy nâu/ lúa, bọ xít muỗi/ chè 5.6EC:: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/nhân 6.5EC: nhện đỏ/ vải 8EC:: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH Hòa sinh Á Châu

Agbamex 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 6.5EC	1.8EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ chè 3.6EC, 5EC: sâu tơ, sâu xanh/ rau họ thập tự: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa 6.5EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Agromectin 1.8 EC, 5.0WG, 6.0EC	1.8EC: nhện gié/ lúa, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu tơ/ súp lơ, bọ nháy/ cải thảo, sâu xanh/ cải xanh, bọ trĩ/ nho, nhện đỏ/ cam, sâu xanh da láng/ hành 5.0WG, 6.0EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
Agrovertin 50EC Akka	Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cà chua 1.8EC, 3.6EC: sâu xanh/ cà chua; nhện gié, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; bọ trĩ/ dưa hấu 5.5EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 22.2WP: sâu tơ/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Việt Hoá Nông
Alfatin 1.8 EC, 6.5 EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu đục quả/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Jiangsu Fengdeng Pesticide Co., Ltd.
Alibaba 1.8EC, 3.6EC, 4.5EC, 6.0EC	1.8EC, 6.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc 4.5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
Amazin's 3.6EC, 5.5EC	3.6EC: Sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa 5.5EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH TM Thai Nông
Amectinaic 18EC, 36EC, 45EC	rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải, nhện lông nhung/nhân	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
AMETINannon 1.8EC, 3.6EC, 5.5EC, 5.55EC, 10WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.5EC: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao,	Công ty TNHH An Nông

Anb40 Super 1.8EC, 3.6 EC, 6.0EC, 18WP, 22.2WP	sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu. 1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 6.0EC, 18WP, 22.2WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean	
Andomec 1.8 EC, 3.6EC, 5EC, 5WP	1.8EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ rau cải xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, nhện đỏ/ cam; sâu đục ngon/ điều 3.6EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 5EC: sâu đục bẹ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải, rầy bông/ xoài 5WP: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ rau cải, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân	
Ankamec 1.8EC, 3.6EC, 4EC	1.8EC: nhện gié/ lúa 3.6EC, 4EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam	
Aremec 18EC, 36EC, 45EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhày, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; dòi đục lá/ đậu tương; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục củồng quả/ vải; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông; sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nhỏ; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Cali – Parimex Inc.	
Azimex 20 EC, 40EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; bọ trĩ/	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.	

	dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ, bọ trĩ/ nho; nhện đỏ/ nhãn; bọ xít muỗi/ điều, chè; rệp sáp, nhện đỏ/ cà phê 40EC: sâu khoang, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
B40 Super 2.0 EC, 3.6 EC, 5.5EC	2.0EC, 3.6EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu phao/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu xanh; nhện đỏ/ cam 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu xanh/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
Barnectin 1.8 EC, 5.5EC, 22.2WG	1.8EC: sâu đục thân, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ súp lơ; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, ruồi hại lá/ cà chua; sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng 5.5EC, 22.2WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu vẽ bùa/ cam; sâu ăn lá/ chôm chôm, sầu riêng	Công ty TNHH Hóa nông Hợp Trí
Binhtox 1.8 EC, 3.8EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ rau cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá, bông vải 3.8EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy/ bông xoài; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Bailing International Co., Ltd
Brightin 1.0EC, 1.8EC, 4.0EC	1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa 1.8EC: sâu tơ/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ cây có mùi, nhện lông nhung/ nhãn 4.0EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Hóa nông Hợp Trí
Bm Abamatex 1.8EC	sâu cuốn lá/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP
Bnongduyen 2.0 EC, 4.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP SAM
Boama 2.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông

BP Dy Gan 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 3.6EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 5.4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, sâu khoang/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Bình Phương
Carbamec 50EC, 50WP, 75EC, 100EC, 100WP, 150WP	Bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ
Car pro 1.8EC, 3.6EC, 5.4 EC	1.8EC: sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 3.6 EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Bốn Đứng
Catcher 2 EC	nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; dòi đục lá/ rau bọ xối	Sinon Corporation – Taiwan
Catex 1.8 EC, 3.6 EC, 100WG	1.8 EC, 3.6 EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung/ vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu vẽ bùa, bọ trĩ, nhện đỏ/ cam, quýt; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ xoài 100WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP NicoTex
Chitin 2EC, 3.6EC	2EC: sâu cuốn lá/ lúa 3.6EC: nhện đỏ/ chè, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Kim Sơn Nông
Đầu trâu Merci 1.8EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Bình Điện Mekong
Daphamec 3.6EC, 5.0EC	3.6EC: Sâu xanh/cải xanh, bọ trĩ/dưa hấu 5.0EC: Rầy bông/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Việt Bình Phát

Dibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5 WG	sâu đục cánh/ điều; rệp sáp/ cả phê; sâu khoang, sâu xanh/ thuốc lá, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; rầy bông / xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám/ bắp cải; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cải xanh; dòi đục lá, sâu vẽ bùa/ cà chua; bọ xít, bọ trĩ, nhện gié, sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp, rệp muội, sâu khoang/ đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
DT Aba 50EC, 60.5EC	50EC: Sâu cuốn lá/ lúa 60.5EC: Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Fanty 2 EC, 3.6 EC, 4.2EC, 5.0 EC, 5.6EC, 6.2EC	2EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu 4.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam 5.6EC, 6.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Haihamec 1.8EC, 3.6 EC	bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH SX TM Hải Hàng
Hifi 1.8 EC, 3.6EC, 5.4EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
Honest 1.8EC, 54EC	1.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 54EC: sâu khoang/ lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ nhãn	Công ty CP Hốc Môn
Invert 1.8EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH CN Makhteshim Agan Việt Nam
Javitin 18EC, 36EC, 55EC,	18EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ xít, sâu phao/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, nhện	Công ty CP Nông được Nhật Việt

65EC, 100WP	đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; rệp sáp/ cà phê 36EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; nhện lông nhung/ vãi; sâu đục quả/ xoài; bọ cánh to, bọ xít muỗi/ chè 55EC: nhện gié/lúa 65EC: sâu cuốn lá/ lúa 100WP: sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ vãi; rầy xanh, bọ cánh to/ chè	
Jianontin 2 EC, 3.6EC	sâu to/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Longphaba 1.8 EC, 3.6 EC, 5EC	1.8EC, 3.6EC: sâu to/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5EC: rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH MTV Lucky
Limectin 4.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
Mahal 3.6EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Megamectin 40EC, 56EC, 126WG	40EC: Bọ cánh to/chè 56EC: Sâu cuốn lá/lúa 126WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
Melia 0.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 4.5EC, 5WP, 5.5WP	0.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu to, bọ nhày/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi 3.6EC, 4.2EC, 5WP: sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu to, bọ nhày/ bắp cải 4.5EC, 5.5WP: sâu cuốn lá, rầy xanh/ lúa; rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ nhày, sâu to/ bắp cải	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung
Miktin 3.6 EC	bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; bọ xít, sâu đục quả/ vãi; sâu xanh da láng/ đậu tương; sâu xanh/ cà chua; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; sâu to, rệp, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Kiên Nam
Nafat 3.6EC, 5.0EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hoà sinh Phong Phú
Nas 9.9EC, 36EC, 60EC	Sâu cuốn lá/ lúa	

Newsodant 2EC, 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC	2EC, 4EC, 4.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 5EC, 5.5EC, 6 EC, 8EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; nhện đỏ, bọ trĩ/ cam	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
Nimbus 1.8 EC, 6.0EC	1.8EC: sâu khoang/ lạc; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam; sâu đục quả/ vải 6.0EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/ vải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Vật tư BVTV Phương Mai
Nockout 1.8 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Novimec 1.8EC, 3.6EC, 7.2EC	1.8EC: sâu cuốn lá, đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông, bọ trĩ/ xoài; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ/ cam 7.2EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông Việt
Nouvo 3.6EC	bọ cánh tơ/ chè, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Nông dược HAI
NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; nhện đỏ, vẽ bùa/ cam 6.0EC: Sâu cuốn lá/ lúa 6.6EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Điền Thanh
Obamausa 55EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Đồng Vàng (GFC)
Oxatin 1.8 EC, 3.6EC, 6.5EC	1.8 EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Sơn Thành

	3.6 EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ cánh tơ/ chè 6.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	
Parma 3.6EC, 5.4EC, 7.5EC	3.6EC, 5.4EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ/ lúa 7.5EC: bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Phesoltin 5.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Phi ung 4.0 EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
Phumai 1.8EC, 3.6EC, 5.4EC	sâu vẽ bùa/ cam; nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè; sâu đục quả/ vải	Công ty CP ĐTKTNN và PTNT Trung ương
Plutel 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5 EC	0.9EC: sâu tơ/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 1.8EC, 3.6 EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ xít/ vải; rệp sáp/ cà phê; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; rệp muội/ na, nhãn; rầy/ xoài; sâu đo, sâu xanh/ hoa hồng; bọ trĩ/ dưa hấu, nhô; sâu xanh/ cà chua	Guizhou CVC INC. (Tổng Công ty Thương mại Zhongyue Quý Châu Trung Quốc)
Queson 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6EC, 5.0EC	5EC: rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, rệp muội/ bắp cải; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nhô; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc

Reasant 1.8EC, 2WG, 3.6EC, 5EC, 5WG	1.8EC, 3.6EC: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đo, rệp muội/ vải, nhãn, na, hồng; rệp muội, nhện, sâu ăn lá/ điều; nhện đỏ, sâu xanh/ hoa hồng; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; rầy/ xoài; sâu khoang lạc; nhện đỏ/ sắn dây; sâu ăn lá, rầy, rệp muội/ hồ tiêu; sâu róm/ thông 2WG, 5WG: sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; bọ xít/ vải, nhãn; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; bọ trĩ/ dưa chuột 5EC: rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu xanh, sâu tơ, rệp muội, sâu khoang/ bắp cải; bọ xít muỗi, sâu ăn lá/ điều; bọ xít/ vải thiều; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy/ xoài; rệp muội/ nhãn; bọ trĩ/ dưa hấu, nho; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ sắn dây; sâu róm/ thông	Công ty TNHH Việt Thắng
Redsuper 4.5ME, 5WG, 20WG, 30EC, 39EC, 60EC	4.5ME: Bọ trĩ/ lúa 5WG, 20WG: Sâu cuốn lá/ lúa 30EC, 39EC: Sâu đục bẹ/ lúa 60EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
Sauaba 3.6EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ nháy/bắp cải, bọ xít muỗi/chè	Công ty TNHH TM Thái Phong
Sau tiu 1.8EC, 3.6EC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ / lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; dưa hấu/ bọ trĩ	Công ty CP TST Cần Thơ
Shertin 1.8EC, 3.6EC, 5.0EC	1.8EC: sâu tơ/ bắp cải 3.6EC, 5.0EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, sâu xám bọ nháy, sâu khoang / bắp cải; bọ trĩ/ nho, dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rệp muội/ cam, vải; nhện lông nhung/ vải	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội

Sieusher 1.8 EC, 3.6 EC, 4.4EC, 6.0 EC, 75EC	1.8EC, 3.6EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải 4.4EC, 6.0EC, 75EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thanh Hưng
Silsau 1.8EC, 3.6EC, 4 EC, 4.3EC, 4.5EC, 4.7EC, 5EC, 5.3EC, 5.5EC, 6EC, 6.5EC, 8EC, 10WP	1.8EC, 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ đưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cây có mùi 4EC, 4.5EC, 5EC, 5.5EC, 6EC, 8EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc 4.3EC, 4.7EC, 5.3EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải 6.5EC: Nhện gié, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ lạc 10WP: nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc, đậu tương, đậu xanh; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, bọ trĩ/ cà chua, ớt, cây có mùi	Công ty TNHH ADC
Sitomectin 3.6EC, 5.0EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
Tập Kỳ 1.8 EC, 3.6EC	1.8EC: Sâu tơ/ bắp cải 3.6EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Viện Di truyền Nông nghiệp
Tigibamec 6.0EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Tiger five 5EC, 6.5EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu xanh da láng/ hành, nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH P-H
Tikabamec 1.8EC, 3.6EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhày/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chống cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP XNK Thọ Khang

Tineromec 1.8EC, 3.6EC, 4.2EC, 70WG	1.8EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ cánh to/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 3.6EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh to/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ điều 4.2EC: bọ trĩ/ lúa, rầy bông/ xoài 70WG: Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Tungatin 1.8 EC, 3.6 EC, 10EC	1.8EC: bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, bọ xít dài, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu xanh; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, ruồi đục quả/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít hôi, bọ trĩ, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh, dòi đục lá cà chua; nhện đỏ/ dưa chuột; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh da láng đậu xanh; sâu đục quả đậu tương; sâu vẽ bùa/ cây có múi; rầy bông xoài; rầy xanh, bọ cánh to/ chè; rệp sáp, một đục cành/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân điều 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu khoang/ khoai lang; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/ cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; bọ xít, sâu cuốn lá/ vải; rầy chống cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục bông, rầy bông/ xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Tervigo 020SC	tuyến trùng/khoai tây, hồ tiêu, thanh long, cà phê	Syngenta Vietnam Ltd

		Vibamec 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC	1.8EC: dòi đục lá/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ đậu tương; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam 3.6EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC: bọ trĩ/ dưa hấu, nhô; nhện đỏ, bọ trĩ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, Nhện đỏ/cam; rầy nâu, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu xanh/ cải xanh	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Voi thai 2EC, 2.6EC, 3.6EC, 4 EC, 4.7EC, 5.5 EC, 5.8EC, 6.2EC, 25WP	2EC, 3.6EC, 4EC, 5.5EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 2.6EC, 4.7EC, 25WP: sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu to, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu xanh/ lạc, thuốc lá; dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/ xoài; bọ trĩ/ dưa hấu 5.8EC: nhện đỏ/ cam; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 6.2EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Voiduc 42EC, 58EC	nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Waba 1.8 EC, 3.6EC, 5.55EC, 10 WP, 18WP	1.8EC, 3.6EC: sâu to/ bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu 5.55EC, 10WP, 18WP: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu to/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH US.Chemical
		Yomikendo 20WG, 38EC, 5.5ME	20WG, 5.5ME: Sâu cuốn lá/ lúa 38EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
2	3808.10	Abamectin 10g/l + Acetamiprid 30g/l	rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh to/ chè, rệp, bọ trĩ/ bông; rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
3	3808.10	Abamectin 20g/l + Acetamiprid 230g/l	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
		Safari 250EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC

4	3808.10	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l), (7g/l), (25g/l), (36g/l) + Alpha-cypermethrin 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (43g/l), (50g/l) (54g/l)	Shepatin 18EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC, 90EC	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhày, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vại; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 50EC (48.5 g/l + 1.5g/l): sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh 50EC (7g/l + 43g/l): bọ trĩ, bọ xít, sâu cuốn lá, 75EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa 90EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	3808.10	Abamectin 9g/l (18 g/l) + Alpha-cypermethrin 16g/l (32g/l)	Siutox 25EC, 50EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
6	3808.10	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118 EC, 136EC	118EC: sâu cuốn lá/ lúa 136EC: nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
7	3808.10	Abamectin 25g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 475g/l	Fultoc super 550EC Sacophos 550EC	sâu cuốn lá/ lúa sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức Công ty CP Nông được Việt Nam
8	3808.10	Abamectin 3.5g/l (36g/l) + Azadirachtin 0.1g/l(1g/l)	Mectinsuper 3.6EC, 37EC	sâu tơ, bọ nhày/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang

9	3808.10	Abamectin 3.5g/l (7g/l), (10g/l) + Azadirachtin 11.5g/l (18g/l), (26g/l)	Finex 15EC, 25EC, 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu to, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; đòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/xoài; sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
10	3808.10	Abamectin 0.5% + Azadirachtin 0.3%	Azaba 0.8EC	sâu to/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu nành, vại; nhện đỏ, sâu ăn lá, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh/ thuốc lá; nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
11	3808.10	Abamectin 35g/l (54g/l) + 1g/l (1g/l) Azadirachtin	Agassi 36EC, 55EC	36EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh to/ chè; sâu to/ cải xanh; bọ xít, sâu đục quả/ vại; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục quả/ đậu đũa 55EC: bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh to, bọ xít muỗi/ chè; sâu xanh da láng/ lạc; sâu to/ bắp cải; nhện lông nhung, sâu đục gân lá/ vại; sâu đục quả/ xoài; bọ trĩ/ nhọ; nhện đỏ/ dưa hấu	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
12	3808.10	Abamectin 35.8g/l (41.8g/l), (49.8g/l), (59.9g/l), (69g/kg), (99.9g/kg) + Azadirachtin 0.2g/l (0.2g/l, (0.2g/l), (0.1g/l), (1g/kg), (0.1g/kg)	Goldmectin 36EC, 42EC, 50EC, 60SC, 70SG, 100SG	36EC, 42EC, 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ/ dưa hấu; đòi đục lá/ đậu tương; rệp/ ngô; sâu khoang/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh to/ chè; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ hồ tiêu 60SC, 70SG, 100SG: sâu to/ bắp cải	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
13	3808.10	Abamectin 37 g/l + Azadirachtin 3 g/l	Vinup 40 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu to/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua; bọ cánh to, rầy xanh/ chè; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH US.Chemical
14	3808.10	Abamectin 6 g/l + Azadirachtin 1 g/l + Emamectin benzoate 5g/l	Elincol 12ME	sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh, bọ cánh to, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu to/ bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
15	3808.10	Abamectin 0.1% (1.7%), (3.5%) + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.9% (0.1%), (0.1%)	Kuraba WP, 1.8EC, 3.6EC	WP: sâu to, sâu xanh, sâu đo, đòi đục lá/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; sâu đo, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, đòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa chuột; sâu đục thân/ ngô; sâu đục gân lá, sâu đục quả/ vại; nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, sâu ăn lá/ cây có mùi; sâu xanh/ bông vại; sâu	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao

				róm thông 1,8EC, 3,6EC: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; nhện lông nhung/ vại; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chè; sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả/ đậu tương, lạc; nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa	
16	3808.10	Abamectin 0.9 % + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 1.1 %	ABT 2 WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu đục cuống, sâu đục quả, sâu đục gân lá/ vại; nhện đỏ/ chè; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
17	3808.10	Abamectin 1g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> var.kurstaki 19 g/kg	Akido 20WP	sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải, sâu vẽ bùa/ bưởi, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
18	3808.10	Abamectin 2g/kg (35.5g/l), (53g/l)+ <i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 18g/kg (0.5g/l), (1g/l)	Atimecusa 20WP, 36EC, 54EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
19	3808.10	Abamectin 1.8g/kg + <i>Bacillus thuringiensis</i> 20g/kg (10 ¹⁰ bt/g)	Tridan 21.8WP	sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ; rầy xanh/ chè; nhện lông nhung/ vại; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; ruồi đục quả/ xoài; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa	Công ty TNHH TM DV XNK Thuận Thành
20	3808.10	Abamectin 0.2 % (30g/l) + Beta-cypermethrin 0.8% (15g/l)	Smash 1EC, 45EC	1EC: sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 45EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; sâu ăn lá/vải	Công ty TNHH VT BVTV Phượng Mai
21	3808.10	Abamectin 17.5g/l (35g/l), (48.5g/l) (25g/l), (36g/l) + Chlorfluazuron 0.5g/l (1g/l), (1.5g/l), (50g/l), (54g/l)	Confitin 18 EC, 36EC, 50EC, 75EC, 90EC	18EC, 36EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu dũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều 50EC, 75EC, 90EC: Sâu xanh/ đậu xanh; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè; sâu đục thân, sâu	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức

				cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ, sâu xanh da láng/ nhỏ	
22	3808.10	Abamectin 18 g/l + Chlorantraniliprole 45g/l	Voliam targo 063SC	Sâu tơ/bắp cải; nhện lông nhung/nhau; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục thân/lúa; nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè	Syngenta Vietnam Ltd
23	3808.10	Abamectin 2g/l + Chlorpyrifos Ethyl 148g/l	Vibafos 15 EC	sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
24	3808.10	Abamectin 9 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 241g/l	Monifos 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
25	3808.10	Abamectin 0.9% + Chlorpyrifos ethyl 24.1%	Phesolinfos 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
26	3808.10	Abamectin 10 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 545g/l	Paragon 555EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Bailiang International Co., Ltd
27	3808.10	Abamectin 1.5% + Chlorpyrifos Ethyl 48.5%	Acck 50EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
28	3808.10	Abamectin 40 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 150g/l	Cây búa vàng 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
29	3808.10	Abamectin 20 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 265g/l + Fenobucarb 265g/l	Furacarb 550EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
30	3808.10	Abamectin 25g/l + Chlorpyrifos Ethyl 505g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Cotoc 555EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
31	3808.10	Abamectin 15g/l (25g/l), (25g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 300g/l (505g/l), (610g/l) + Lambda- cyhalothrin 18g/l (25g/l), (65g/l)	Sixtoc 333EC, 555EC, 700EC	333EC, 555EC: Sâu cuốn lá/lúa 700EC: Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
32	3808.10	Abamectin 18 g/l + Cypermethrin 132 g/l	Nongtac 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
33	3808.10	Abamectin 2g/l (60g/l) + (dầu khoáng và dầu hoa tiêu) 243g/l (3g/l)	Song Mã 24.5 EC, 63EC	24.5 EC: sâu tơ/ rau họ thập tự; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 63EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã

34	3808.10	Abamectin 15 g/l (100g/kg) + Deltamethrin 15 g/l (150g/kg) + Fipronil 45 g/l (450g/kg)	Thiocron 75EC, 700WG	75EC: sâu cuốn lá/ lúa 700WG: rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
35	3808.10	Abamectin 36 g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Golcet 336EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
36	3808.10	Abamectin 30g/l + Emamectin benzoate 20g/l	Uni-duapack 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh đa láng/dâu tương	Công ty TNHH World Vision - (VN)
37	3808.10	Abamectin 30 g/l (45g/kg), (45g/kg) + Emamectin benzoate 25g/l (41g/kg) (90g/kg)	Footsure 55EC, 86WG, 135WG	55EC: Sâu khoang/lạc 86WG, 135WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
38	3808.10	Abamectin 0.2g/l (0.5g/l), (15g/l), (30g/kg), (0.5g/kg), (27.5g/l), (35g/kg), (100g/kg), (150g/kg) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/l), (30g/kg), (50g/kg), 27.5g/l (35g/kg), (82g/kg), (100g/kg)	Emalusa 10.2EC, 20.5EC, 35EC, 60SG, 50.5SG, 55EC, 70SG, 150SG, 182SG, 250SG	10.2EC, 20.5EC, 50.5SG: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; đòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 55EC: Rệp bông/ xoài 35EC: Bọ trĩ/ chè 60SG: Nhện đỏ/cam 70SG: Sâu tơ/ bắp cải 150SG: Sâu đục thân/lúa 182SG, 250SG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
39	3808.10	Abamectin 18g/l (37g/l), (49g/kg), (55g/l), (1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emamectin benzoate 3g/l (1g/l), (1g/kg), (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	Divasusa 21EC, 38EC, 50WP, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	21EC: bọ trĩ/ lúa 21EC, 38EC, 50WP, 56EC: bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu róm/ thông 61WG, 80WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
40	3808.10	Abamectin 18g/l, (64g/l), (7.2%) + Emamectin benzoate 10g/l, (1g/l), (4.0%)	Acprodi 28 EC, 65EC, 11.2WP	28EC: sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhân 65EC: nhện đỏ/ vải 11.2WP: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

41	3808.10	Abamectin 20g/l (47 g/l), (40g/l), (55g/l), (47g/l) + Emanectin benzoate 20g/l (10 g/l), (20g/l), (10g/l), (20g/l)	Voi tuyệt với 40EC, 57EC, 60EC, 65EC, 67EC	40EC, 57EC, 65EC, 67EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 60EC : Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH TM Nông Phát
42	3808.10	Abamectin 30g/l (36g/l), (36g/kg) + Emanectin benzoate 10g/l (20g/l), (20g/kg)	B52duc 40EC, 56EC, 56SG, 68WG, 80WG	40EC, 56EC, 80WG: nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa 56SG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 68WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
43	3808.10	Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Emanectin benzoate 1g/l (1.5g/l)	Sieufatoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ
44	3808.10	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + Emanectin benzoate 0.2g/l(0.2g/l), (0.2g/l)	Sitto Password 36.2EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ dưa hấu; rầy xanh/ chè; sâu khoang/ đậu tương; rầy bông/ xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
45	3808.10	Abamectin 37 g/l (55g/l), (1g/kg), (10g/kg), (1g/kg) + Emanectin benzoate 1g/l (1g/l), (60g/kg), (70g/kg), (125g/kg)	Newmexone 38EC, 56EC, 61WG, 80WG, 126WG	38EC: Sâu phao/ lúa 56EC: Sâu đục thân/ lúa 61WG, 80WG, 126WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
46	3808.10	Abamectin 2% + 1% Emanectin benzoate	Hải cầu 3.0EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
47	3808.10	Abamectin 3% + Emanectin benzoate 2%	Daivantin 5EC	sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Taiwan Advance Science Co., Ltd.
48	3808.10	Abamectin 3% (60g/l) + Emanectin benzoate 2% (10g/l)	Jia-mixper 5EC, 70EC	5EC: sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa 70EC: sâu cuốn lá, nhện gié /lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
49	3808.10	Abamectin 33g/l (43g/l), (53g/l), (60g/l) + Emanectin benzoate 5g/l (5g/l), (5g/l), (5g/l)	S-H Thôn Trang 3.8EC, 4.8EC, 5.8EC, 6.5EC	3.8EC, 4.8EC, 5.8EC: sâu cuốn lá/ lúa 6.5EC: sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
50	3808.10	Abamectin 8.45% + Emanectin benzoate 1.54%	Abavec gold 9.99EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

51	3808.10	Abamectin 18g/l (10g/l), (18g/l), (33g/l) + Emamectin benzoate 2g/l, (5 g/l), (9.5g/l), (2g/l)	TC-Năm Sao 20EC, 15EC, 27.5EC, 35EC	20EC, 30EC: bọ cánh tơ/ chẻ, bọ trĩ/ đũa hầu, bọ xít/ vại, rệp muội/ nhện, sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa 15EC, 27.5EC: Sâu tơ/ bắp cải, bọ trĩ/ đũa hầu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vại 15EC: bọ xít/ vại	Công ty TNHH Việt Thắng
52	3808.10	Abamectin 20g/l + Emamectin benzoate 5g/l + Imidacloprid 120g/l	Vdepenalduc 145EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
53	3808.10	Abamectin 0.8% + Etofenprox 5%	Sazin 5.8EC	sâu tơ/ bắp cải	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
54	3808.10	Abamectin 0.1g/kg, (5g/l), (2g/kg) + Fipronil 2.9g/kg, (50g/l), (798g/kg)	Michigane 3GR, 55SC, 800WG	3GR, 800WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 55SC: sâu khoang/ lạc	Cali – Parimex Inc.
55	3808.10	Abamectin 17.5g/l (35g/l) + Fipronil 0.5g/l (1g/l)	Scorpion 18 EC, 36EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ đũa hầu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chẻ; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vại; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nhỏ; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
56	3808.10	Abamectin 15 g/l + Fipronil 45 g/l + 15g/l Lambda-cyhalothrin	Calitoc 75EC	sâu cuốn lá/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
57	3808.10	Abamectin 0.45% + Imidacloprid 1.0%	Abamix 1.45WP	bọ trĩ/ đũa chuột, rệp muội, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nicotex
58	3808.10	Abamectin 10g/l (10g/l), (10g/l), (10g/l), (1.8%) + Imidacloprid 98g/l (128g/l) (148g/l) (168g/l), (25%)	Talor 10.8EC, 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP	10.8EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 13.8EC, 15.8EC, 17.8EC, 26.8WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

59	3808.10	Abamectin 10g/l + Imidacloprid 90g/l	Abaplus 100EC	sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ, bọ xí hôi, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp bông/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam; rệp muội/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
			Sieusauray 100 EC	sâu khoang/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
60	3808.10	Abamectin 15g/l (30g/l) + Imidacloprid 90g/l (90g/l)	Nosauray 105EC, 120EC	105EC: rầy nâu/ lúa 120EC: sâu đục bẹ/ lúa; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH TM Nông Phát
61	3808.10	Abamectin 15g/l + Imidacloprid 90g/l	Emicide 105EC	sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
62	3808.10	Abamectin 18.5g/l (37g/l), (63g/l), (90g/kg), (108g/kg) + Imidacloprid 1.5g/l (3g/l), (9g/l), (18g/kg), (27g/kg)	Vetsemex 20EC, 40EC, 72EC, 108WG, 135WG	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang; sâu xanh đa láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục củồng quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh đa láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh đa láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty CP Nông được Việt Nam
			108WG: Sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 135WG: Sâu khoang/ lạc		
63	3808.10	Abamectin 18.5g/l + Imidacloprid 3.5g/l + Pyridaben 5.5g/l	Dugamite 27.5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông được Nhật Việt
64	3808.10	Abamectin 15g/l (15g/l) + Indoxacarb 50g/l (135g/l)	Sixsess 65EC, 150EC	65EC: Sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
65	3808.10	Abamectin 0.4% (9 g/l), (15g/l), (18g/kg) + Lambda-cyhalothrin 1.6% (45 g/l), (60g/l), (72g/kg)	Karatimec 2EC, 54EC, 75EC, 90WG	2EC: sâu xanh/ lạc 54EC: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá/ lúa 90WG: Sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Nông được Việt Nam
66	3808.10	Abamectin 19g/l (38g/l), (9g/l), (48.5g/l), (18g/l), (36g/l) +	Actamec 20EC, 40EC, 36EC, 50EC, 50EC, 75EC	20EC, 40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhậy, rệp/ cải xanh; sâu đục	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Lambda-cyhalothrin 1g/l (2g/l), (27g/l) (1.5g/l), (32g/l), (39g/l)		quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nho; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 36EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 50EC(48.5g/l + 1.5g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 50EC (18g/l + 32g/l): Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 75EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
67	3808.10	Abamectin 30g/l (20g/l), (10g/kg) + Lambda- cyhalothrin 50g/l (50g/l), (100g/kg) + Thiamethoxam 5g/l (50g/l), (20g/kg)	Kakasuper 85EC, 120EW, 130WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
68	3808.10	Abamectin 0.2% (50g/l) + Matrine 2% (25g/l)	Abecyny 2.2 EC, 75EC	2.2 EC: bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh/ cải bắp; rầy nâu/ lúa; nhện đỏ/ cam 75EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
69	3808.10	Abamectin 1g/l (20g/l) + Matrine 5g/l (5g/l)	Ametrintox 6EC, 25EC Luckylar 6EC, 25EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua, lạc, đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu ăn hoa/ xoài sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, bọ nhảy, rệp/ cải xanh; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục cuống quả/	Công ty CP Vật tư BVT Hà Nội

			vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông; sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nhô; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng, sâu hồng/ bông vải; bọ trĩ/ điều	
70	3808.10 Abamectin 20g/l + Matrine 5 g/l	Aga 25 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, rệp muội, bọ nhày/ cải xanh, bắp cải; sâu cuốn lá, dòi đục lá/ đậu xanh, đậu tương; dòi đục lá, sâu xanh/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ cam; nhện đỏ, bọ xít muỗi, sâu đục quả/ vải, nhãn; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; rệp sáp, nhện đỏ, rầy xanh/ chè, cà phê; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; nhện đỏ, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ điều	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
71	3808.10 Abamectin 20g/l (56g/l) + Matrine 2g/l (2g/l)	Sudoku 22EC, 58EC	22EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rầy xanh, bọ cánh to, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ nhô; rầy chổng cánh/ cam; bọ trĩ/ điều; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu đục cuống quả, sâu đục gân lá/ vải 58EC: nhện gié, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi, bọ cánh to, nhện đỏ/ chè; nhện lông nhung, bọ xít muỗi/ vải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ nhô	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
72	3808.10 Abamectin 1.8% + Matrine 0.2%	Miktox 2.0 EC	bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ trĩ, rầy xanh, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rệp, sâu xanh bướm trắng; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Công ty CP TM BVTV Mình Khai
73	3808.10 Abamectin 2.0% (4.3%), (5.4%) + Matrine 0.2 % (0.2%), (0.2%)	Tramictin 2.2EC, 4.5EC, 5.6EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ cánh to, rầy xanh/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
74	3808.10 Abamectin 35g/l (48.5g/l) + Matrine 1g/l (1.5g/l)	Newlitoc 36EC, 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh to, rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè; rầy bông/ xoài	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ

75	3808.10	Abamectin 36g/l (42g/l), (54g/l) + 0.1g/l (0.2g/l), (0.2g/l) Matrine	Tinero 36.1EC, 42.2EC, 54.2EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chẻ; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
76	3808.10	Abamectin 36 g/l (54g/l) + Matrine 1 g/l (1g/l)	Kendojapanese 37EC, 55EC	37EC: Sâu đục bẹ/ lúa 55EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
77	3808.10	Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Amara 55 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ cải xanh; sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ, rệp/ chẻ; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; một đục cánh/ cà phê; rệp sáp/ hồ tiêu; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
78	3808.10	Abamectin 4g/l (1g/kg), (2g/kg) + Methylamine avermectin 35g/l (54 g/kg), (114g/kg)	Pompom 3.9EC, 5.5WG, 11.6WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Sông Mã
79	3808.10	Abamectin 35 g/l + Permethrin 100g/l	Fisau 135EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
80	3808.10	Abamectin 2% + Permethrin 7%	Dotimec 9EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thanh Hưng
81	3808.10	Abamectin 40 g/l + Permethrin 150 g/l	SBC-Thon Trang 190EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
82	3808.10	Abamectin 0.2% (20g/l) + Petroleum oil 24.3% (250g/l)	Đầu trâu Bihopper 24.5EC, 270EC	24.5EC: sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải, 270EC: nhện đỏ/ chẻ, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
83	3808.10	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.3%	Koimire 24.5EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/ chẻ; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ xoài; nhện lông nhung/ vải; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
84	3808.10	Abamectin 0.2% + Petroleum oil 24.8%	Petis 24.5 EC Feat 25EC	nhện đỏ/ cây có mùi sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột, bí xanh, dưa hấu; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ/ cam; nhện lông nhung, nhện đỏ/ nhãn	Công ty TNHH TMTùng Dương Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Khải Hoàn

85	3808.10	Abamectin 0.3% + Petroleum oil 88%	Visober 88.3EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê; nhện lông nhung/nhân	Công ty, CP Thuốc sát trùng Việt Nam
86	3808.10	Abamectin 0.2% (0.5%) + Petroleum oil 24.3% (24.5%)	Soka 24.5EC, 25 EC	24.5EC: sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam quýt, nhãn; nhện lông nhung/vải; sâu xanh/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; dòi đục lá/ đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cà chua; nhện đỏ, bọ cánh tơ, rầy xanh/ chè 25EC: nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt, nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ/ nhãn; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; dòi đục lá, sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột, dưa hấu; sâu cuốn lá, bọ xít dài, nhện gié, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ bông vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Trương Thịnh
87	3808.10	Abamectin 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Tikrice 25EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhậy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ, rầy canh/ chè	Công ty CP XNK Thọ Khang
88	3808.10	Abamectin 0.3% (55g/l) + Petroleum oil 39.7%(5g/l)	Sword 40 EC, 60EC	40EC: bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; dòi đục lá/ cải bó xôi; bọ trĩ, bọ phấn/ dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp muội/ cam 60EC: nhện đỏ/ vải, nhện lông nhung/nhân	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
89	3808.10	Abamectin 5g/l (5g/l), (5g/l) + Petroleum oil 245g/l (295g/l), (395g/l)	Aramectin 250EC, 300EC, 400EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành, sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
90	3808.10	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (342g/l), (464g/l)	Blutoc 250EC, 360EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
91	3808.10	Abamectin 9g/l (18g/l), (36g/l) + Petroleum oil 241g/l (332g/l), (464g/l)	Sieulitoc 250EC, 350EC, 500EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội

92	3808.10	Abamectin 1% + Petroleum oil 24%	Batas 25EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vãi; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy bông/ xoài; rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
93	3808.10	Abamectin 18 g/l + Pyridaben 150 g/l	Aben 168EC	nhện đỏ/ chè, dưa hấu; nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ hồ tiêu; sâu hồng/ bông vải; rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, rầy chổng cánh/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
94	3808.10	Abamectin 20g/l + Pyridaben 160g/l	Nomite-Sạch nhện 180EC	Nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
95	3808.10	Abamectin 12g/l + Quinalphos 138g/l	Sieu fitoc 150EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
96	3808.10	Abamectin 12 g/l + Quinalphos 238 g/l	Acpratin 250EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
97	3808.10	Abamectin 40 g/l + Quinalphos 100 g/l	IQ-Thôn Trang 140EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
98	3808.10	Abamectin 20g/l + Spinosad 25 g/l	Aterkil 45 SC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc; nhện đỏ /cam	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
99	3808.10	Abamectin 22g/l + Spinosad 25g/l	Rice NP 47SC	Sâu đục quả/vải	Công ty TNHH TM Nông Phát
100	3808.10	Abamectin 10 g/kg + Thiosultap-sodium (Monosultap) 950g/kg	Aba-top 960WP	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít hôi/ lúa; rầy bông/ xoài; rầy xanh/ chè	Công ty TNHH Phủ Nông
101	3808.10	Acephate (min 97%)	Anitox 50SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Ansect 72SP	sâu cuốn lá/ lúa, rầy/ xoài	Công ty CP BVTV An Giang
			Appenphate 75SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
			Asataf 75SP	sâu xanh/ đậu tương	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Binhmor 40EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa; rệp sáp, rệp vảy/ cà phê	Bailing International Co., Ltd
			BM Promax 75WP	rầy nâu/ lúa	Behn Meyer Agcare LLP

		Lancer 40EC, 50SP, 75SP, 97WG	40EC: rệp muội/ cam quýt, sâu đục thân/ lúa 50SP: sâu đục thân/ lúa, rệp vảy/ cà phê, sâu đục quả/ đậu tương 75SP: rệp vảy/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 97WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
		Mace 75SP, 97SP	75SP: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, sâu đục thân/ lúa; sâu khoang/ thuốc lá; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ điều 97SP: sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ thuốc lá, bọ xít muối/ điều	Công ty TNHH CN Makhteshim Agan Việt Nam
		MO - anmong 40SL, 50SP, 75SP, 300SL	40SL: bọ xít/ lúa 50SP, 75SP, 300SL: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
		Monster 40 EC, 75 WP	40EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp cà phê; rệp/ thuốc lá; sâu tơ/ rau cải; rầy xanh/ chè 75WP: sâu đục thân/ lúa, rầy/ dưa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Mytox 5GR 40EC, 75SP	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Orthene 75SP, 97Pellet	75SP: sâu khoang/ lạc 97Pellet: rệp/ thuốc lá, sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh/ cà chua	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Song hy 75SP	sâu cuốn lá/ lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Viaphate 40EC, 75SP	40EC: sâu đục thân/ lúa 75SP: sâu xanh/ đậu tương	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
102	3808.10	Accepher 410 EC, 425EC	410EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa 425EC: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
103	3808.10	Accephate 21% + Chlorpyrifos Ethyl 14%	sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
104	3808.10	Accephate 50% + Imidacloprid 1.8%	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
105	3808.10	Acetamiprid (min 97%)	150 EC, 350EC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp bông xo/ mía	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội

		200EC: rầy nâu/ lúa 200WP: rầy nâu/ lúa; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; rệp bông xo/ mía; rệp sáp/ cà phê	
Advice 3EC		bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Afeno 30WP		rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Amender 200SP		rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
Amsipilan 20SP		Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
Ascend 20 SP		bọ phấn/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài, rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ điều, xoài	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
Cayman 25WP		rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Daiwance 200SP		rầy nâu/ lúa	Taiwan Advance Science Co., Ltd.
Domosphi 10SP, 20 EC		10SP: rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, rầy bông/ xoài, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ đậu tương 20EC: rệp sáp/ cà phê; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Thanh Điền
Google 30WP		Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
Hotray 200SL		rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
Melycit 20SP		rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ ca cao	Công ty TNHH Nhất Nông
Mopride 20 WP		sâu xanh/ bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy xanh/ chè	Công ty CP Nông nghiệp HP
Mosflannong 30EC, 200WP, 300WP, 300SC, 600WG		30EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 200WP: bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 300WP, 300SC, 600WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
Mospilan 3 EC, 20 SP		3EC: bọ trĩ/ cây có múi, rầy xanh/ chè, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ dưa hấu, bọ cánh cứng/ dưa; rầy xanh/ bông vải 20SP: rầy/ xoài, bọ trĩ/ dưa hấu	Nippon Soda Co., Ltd
Motsuper 36WG		rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
Nired 3 EC		bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex

		<table><tr><td>Otoxex 200SP</td><td>rầy nâu/ lúa</td><td>Công ty TNHH Việt Thắng</td></tr><tr><td>Raysuper 30EC</td><td>Rầy nâu/lúa</td><td>Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao</td></tr><tr><td>Sadamir 200WP</td><td>rầy nâu/ lúa</td><td>Công ty CP Quốc tế Hòa Bình</td></tr><tr><td>Sêu đỏ 3 EC</td><td>rầy nâu/ lúa</td><td>Công ty CP BVTV Sài Gòn</td></tr><tr><td>Tosi 30WG</td><td>Rầy nâu/lúa</td><td>Công ty TNHH BMC</td></tr><tr><td>Uni-aceta 20SP</td><td>Rầy nâu/lúa</td><td>Công ty TNHH World Vision (VN)</td></tr></table>	Otoxex 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng	Raysuper 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao	Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình	Sêu đỏ 3 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn	Tosi 30WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BMC	Uni-aceta 20SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
Otoxex 200SP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng																		
Raysuper 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Quỳnh Giao																		
Sadamir 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình																		
Sêu đỏ 3 EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn																		
Tosi 30WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BMC																		
Uni-aceta 20SP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)																		
106	3808.10	Acetamiprid 30g/l + Alpha-cypermethrin 50g/l	Mospa 80 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ đậu tương	Công ty CP Đông Xanh															
107	3808.10	Acetamiprid 100g/kg + Buprofezin 150g/kg	Sieuray 250WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá nông Mỹ Việt Đức															
108	3808.10	Acetamiprid 10% + Buprofezin 15%	Uni-acetafezin 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)															
109	3808.10	Acetamiprid 15%, (170g/kg), (170g/kg) (170g/kg) + Buprofezin 35%, (380g/kg), (430g/kg) (480g/kg)	Asimo super 50WP, 550WP, 600WP, 650WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang															
110	3808.10	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 150g/kg	Ba Đăng 300WP	rầy nâu/ lúa, rệp muội/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng															
111	3808.10	Acetamiprid 20% + Buprofezin 20%	Penalty 40WP	rầy nâu, rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC															
112	3808.10	Acetamiprid 20% (22%), (24%) + Buprofezin 20% (25%), (30%)	Khongray 40WP, 47WP, 54WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát															
113	3808.10	Acetamiprid 20% + Buprofezin 25%	Binova 45WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Đông Xanh															
114	3808.10	Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	Everest 500WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ															
115	3808.10	Acetamiprid 250g/kg + Buprofezin 250g/kg	Acetapro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kital															
116	3808.10	Acetamiprid 400g/kg + Buprofezin 250g/kg	Atylo 650WP	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; rầy bông/ xoài; rầy chổng cánh/ cam	Công ty TNHH TM Thái Nông															

117	3808.10	Acetamiprid 150 g/kg + Buprofezin 150 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 450g/kg	CLB-Thôn trang 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
118	3808.10	Acetamiprid 200g/l + Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l	Chlorusa 750EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
119	3808.10	Acetamiprid 40g/kg (10g/l), (1g/l), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 120g/kg (20g/l), (1g/l), (50g/l), (200g/kg) + Fenobucarb 10g/kg (200g/l), (510g/l), (450g/l), (100g/kg)	Chavez 170WP, 230EC, 512EC, 550EC, 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
120	3808.10	Acetamiprid 100 g/kg + Buprofezin 300g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Rakotajapane 500WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
121	3808.10	Acetamiprid 150g/kg + Buprofezin 255g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Calira 555WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
122	3808.10	Acetamiprid 100 g/kg (20g/kg), (50g/l), (300g/kg) + Buprofezin 150 g/kg (20g/kg), (20g/l), (150g/kg) + Isoprocarb 50 g/kg (300g/kg), (300g/l), (150g/kg)	Chesone 300WP, 340WP, 370EC, 600WP	300WP : rầy nâu/ lúa 340WP, 370EC, 600WP : rầy nâu, rầy lưng trắng /lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
123	3808.10	Acetamiprid 450g/kg + Buprofezin 300g/kg + Thiamethoxam 50.8g/kg	Osioi 800.8WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
124	3808.10	Acetamiprid 3% + Cartap 92%	Hugo 95SP	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Hóc Môn
125	3808.10	Acetamiprid 100g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos ethyl 400g/kg (550g/l)	Checsusa 500WP, 650EC	500WP : Sâu đục thân, rầy nâu/lúa 650EC : Rầy nâu/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

126	3808.10	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam
127	3808.10	Acetamiprid 30g/l + Chlorpyrifos Ethyl 495g/l	Nicopro 20EC Megashield 525EC	Sâu đục thân, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
128	3808.10	Acetamiprid 200 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg	Mopride rubi 500WP	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
129	3808.10	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Nông
130	3808.10	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg	Mopride rubi 500WP	Rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
131	3808.10	Acetamiprid 20% + Chlorpyrifos Methyl 30%	Mopride gold 50WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
132	3808.10	Acetamiprid 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 260g/l + Fenobucarb 306g/l	Politic 666EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
133	3808.10	Acetamiprid 200g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Xojapane 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
134	3808.10	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rệp sáp/ cà phê; rầy bông/xoài	Công ty TNHH TM Thái Nông
135	3808.10	Acetamiprid 50 g/l + Fenobucarb 350 g/l	Jara 400EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
136	3808.10	Acetamiprid 0.1 g/kg, (0.2g/l), (20g/kg) + Fipronil 2.9 g/kg, (49.8g/l) (780g/kg)	Dogent 3GR, 50SC, 800WG	3GR, 50SC, 800WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 3GR: sâu khoang/ lạc 50SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vất tư BVTV Hà Nội
137	3808.10	Acetamiprid 5g/l (10g/kg), (280g/kg), (100g/kg), (20g/kg) + Fipronil 10g/l (20g/kg), (20g/kg), (300g/kg), (800g/kg)	Redpolo 15EC, 30WP, 300WP, 400WG, 820WG	15EC, 30WP, 820WG: sâu cuốn lá/ lúa 300WP: rầy nâu/ lúa 400WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

138	3808.10	Acetamiprid 50g/l + Fipronil 50g/l	Amibest 100ME	Rây nâu, sâu đục thân/lúa, rệp sáp giá/cà phê	Công ty TNHH Việt Hoà Nông
139	3808.10	Acetamiprid 3% (30g/l), (30g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 2% (20g/l), (20g/kg), (20g/kg)	Sutin 5EC, 50SC, 50WP, 50WG	5EC: rây nâu, bọ trĩ/ lúa; rây xanh, bọ cánh tơ/ chè 50SC, 50WP, 50WG: Rây nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
140	3808.10	Acetamiprid 70g/kg + Imidacloprid 130g/kg	Sachray 200WP	rây nâu/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
141	3808.10	Acetamiprid 200g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Azorin 400WP	rây nâu/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAI Qui Nhơn
142	3808.10	Acetamiprid 100g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Mã lục 150WP	rây nâu, bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
143	3808.10	Acetamiprid 100 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Vip super 300WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
144	3808.10	Acetamiprid 100 g/l + Imidacloprid 55 g/l	Nongiahy 155SL	Rệp sáp/ cà phê, rây nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
145	3808.10	Acetamiprid 150 g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Setusa 350WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Thôn Trang
146	3808.10	Acetamiprid 150 g/kg, (150g/kg), (150g/kg)+ Imidacloprid 200g/kg (250 g/kg), (350g/kg)	Setusa 350WP, 400WP, 500WP	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
147	3808.10	Acetamiprid 25% (20%) + Imidacloprid 8%(16%)	Caymangold 33WP, 36WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
148	3808.10	Acetamiprid 77g/kg + Metolcarb (min 98%) 200g/kg	Diệt rầy 277WP	Rây nâu/Lúa	Công ty TNHH Hoà sinh Phong Phú
149	3808.10	Acetamiprid 250g/kg (400g/kg), (400g/kg) + Pymetrozine 250g/kg (300g/kg), (300g/kg)	Secso 500WP, 700WP 700WG	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH Hoà Nông Lúa Vàng
150	3808.10	Acetamiprid 25% + Pymetrozine 50%	Centrum 75WG	Rây nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
151	3808.10	Acetamiprid 30g/l + Pyridaben 170g/l	Sedox 200EC	nhện gié/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

152	3808.10	Acetamiprid 10 g/kg + Thiamethoxam 240g/kg	Goldra 250WG	rầy nâu/lúa, rệp bông xo/ mía	Công ty CP Nông được Việt Nam
153	3808.10	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
154	3808.10	Acetamiprid 50g/kg + Thiosultap – sodium (Nereistoxin) 550g/kg	Alfatac 600 WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
155	3808.10	Acetamiprid 50 g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin)700g/kg	Goldan 750 WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
156	3808.10	Acrinathrin (min 99.0%)	Rufast 3 EC	nhện đỏ/ chè	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
157	3808.10	Alpha - cypermethrin (min 90 %)	Ace 5 EC	sâu phao/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Alfacua 10 EC	sâu đục bẹ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Đồng Xanh
			Alfathrin 5EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
			Alpha 5EC, 10EC, 10SC	5EC: sâu cuốn lá, cua/ lúa 10EC: sâu khoang/ lạc 10SC: bọ trĩ/ dừa hấu, rầy bông/ xoài, kiến/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, sâu vẽ bùa/ cam	Map Pacific PTE Ltd
			Alphacide 50EC, 100EC, 170EC, 260EC	50EC: sâu cuốn lá, bọ xít/ lúa, sâu đục quả/ vải 100EC: bọ xít/ lúa, rệp/ cây có múi 170EC, 260EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Alphan 5 EC	sâu cuốn lá nhỏ/ lúa, rầy phấn/ sầu riêng, bọ xít muối/ điều	Công ty CP BVTV An Giang
			Altach 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ lạc	Công ty CP Nông được HAI
			Anphatox 2.5EC, 5EC, 25EW, 50EW, 100SC	2.5EC: sâu đục thân/ lúa 5EC: sâu khoang/ lạc, bọ xít/ lúa 25EW, 50EW: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp muối/ đậu tương; sâu đục quả/ cà phê 100SC: bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Antaphos 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu vẽ bùa/ cây có múi, sâu cuốn lá/ lúa 50EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; sâu đục quả/ đậu	Công ty CP XNK Nông được Hoàng An

	tương	
Bestox 5EC	100EC: sâu đục quả/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa bọ trĩ/ chè; bọ xít/ vải thiều; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rệp/ đậu tương	FMC Chemical International AG
Bpalatox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: bọ trĩ/ lúa 50EC: sâu cuốn lá/ lúa 100EC: sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM Bình Phương
Caterice 5EC	Bọ trĩ/ lúa	Hexstar Chemicals Sdn, Bhd
Cyper - Alpha 5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Dantox 5 EC	bọ trĩ/ lúa, sâu xanh/ bông vải, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Fastac 5 EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy, sâu cuốn lá/ lúa; rệp/ cà phê	BASF Vietnam Co., Ltd.
Fascist 5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Long Hiệp
Fastocid 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ cây có múi	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Fastphos 50EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Fentac 2.0 EC	sâu đục quả/ đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
FM-Tox 25EC, 50EC, 100EC	25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi/ điều 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê 100EC: sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
Fortac 5 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Forward International Ltd
Fortox 25EC, 50 EC, 100EC	25EC, 50EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM DV Anh Dương
Motox 2.5EC, 5EC, 10EC	2.5EC: bọ xít, bọ trĩ/ lúa; kiến, rệp sáp/ cà phê; rệp/ đậu tương 5EC: bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu; bọ xít, bọ trĩ, sâu keo lúa; sâu đục quả/ đậu xanh 10EC: rệp/ bông vải; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muối/ điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			Pertox 5 EC, 100EW, 250EW, 250WP	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 100EW, 250EW, 250WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Pytax-s 5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
			Sapen - Alpha 5 EC, 5EW	5EC: sâu hồng/ bông vải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, bọ xít/ lúa cận 5EW: sâu tơ/ rau cải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Supertox 25EC, 50EC, 100EC	50EC: sâu đục thân / lúa 25EC, 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
			Thanatox 5EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông được Việt Nam
			Tiper - Alpha 5 EC	bọ xít/ lúa, dòi đục quả/ nhãn	Công ty TNHH - TM Thái Phong
			Unitox 5 EC	bọ xít/ lúa	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
			Vifast 5EC, 10 SC	5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp/ cây có múi, bọ xít muỗi/điều 10SC: bọ xít/ lúa; mối/ cao su, cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Soddy 430EC, 750WP	430SC: Rầy nâu/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
159	3808.10	Alpha-cypermethrin 100g/l + Chlorfluazuron 10g/l + Fipronil 50g/l	Kalou 160EW	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
160	3808.10	Alpha - cypermethrin 1% (2%), (1.6%) + Chlorpyrifos Ethyl 16% (38%), (65%)	Apphe 17EC, 40EC, 666EC	17EC: sâu đục thân/ lúa, ngô; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục quả/ bông vải 40EC: sâu đục quả/ đậu tương, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều, sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ cao su 666EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
161	3808.10	Alpha-cypermethrin 20g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 230g/l (460g/l)	Supertac 250EC, 500EC	250EC: sâu khoang/ lạc 500EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

162	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 500g/l	Fitoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
163	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/kg), (50g/l), (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 25g/l, (500g/kg), (600g/l), (700g/l)	VK.sudan 75EC, 550WP, 650EC, 750EC	75EC: Bọ trĩ/ lúa 550WP: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 650EC: Rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê 750EC: Rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
164	3808.10	Alpha-cypermethrin 2% + Chlorpyrifos Ethyl 38%	Careman 40EC	Một đực cảnh/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
165	3808.10	Alpha-cypermethrin 300g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Light 700EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
166	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos ethyl 520g/l	Marvel 570EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
167	3808.10	Alpha-cypermethrin 40g/l (40g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (410g/l) + Dimethoate 226g/l(297g/l)	Bowing 666EC, 747EC	666EC: Sâu đục thân/ngô 747EC: rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
168	3808.10	Alpha-cypermethrin 40g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 210g/l	Rocketasia 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
169	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos Ethyl 482g/l + Emamectin benzoate 18g/l	Agritoc 550EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
170	3808.10	Alpha-cypermethrin 55g/l + Chlorpyrifos ethyl 300g/l + Fenobucarb 311g/l	Filitox super 550EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Pictoc 666EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

171	3808.10	Alpha-cypermethrin 30g/l (25g/l), (60g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 220g/l (565 g/l), (440g/kg) + Imidacloprid 50g/l (5g/l), (100g/kg)	Spaceloft 300EC, 595EC, 600 WP	300EC: Bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/cà phê 595EC: Nhện đỏ/ cam, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; mọt đục cành/cà phê 600 WP: Rệp sáp, mọt đục cành/ cà phê; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
172	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 520g/l (545g/l) + Indoxacarb 30g/l (5g/l)	Vitashield gold 600EC	600EC (50g/l + 520g/l + 30g/l): Sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp, mọt đục cành/cà phê 600EC (50g/l + 545g/l + 5g/l): Mọt đục cành, p sáp/cà phê; Nhện gié, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ phân/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
173	3808.10	Alpha -cypermethrin 66g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Quinalphos 200g/l	Pimec 666EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
174	3808.10	Alpha-cypermethrin 50 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Thiamethoxam 30 g/l	Hiddink 630EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuộc BVTV Việt Trung
175	3808.10	Alpha-cypermethrin 10g/l (15g/l), (20g/l) + Dimethoate 140g/l (185g/l), (280g/l)	Cyfitox 150EC, 200EC, 300EC	150EC, 200EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 300EC: rệp sáp/ cà phê, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; rệp/ mía	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
176	3808.10	Alpha-cypermethrin 25g/l + Dimethoate 400 g/l	Ablane 425EC	Kiên/ thanh long	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
177	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Redtoc 100EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
178	3808.10	Alpha-cypermethrin 1% + Fenobucarb 40%	Hopla 41EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ xí/ lúa	BASF Vietnam Co., Ltd.
179	3808.10	Alpha-cypermethrin 5g/kg (10g/kg), (30g/l) + Fenobucarb 50g/kg (10g/kg), (450g/l) + Isoprocarb 30g/kg, (350g/kg), (50g/l)	Sieugon 85GR, 370WP, 530EC	85GR, 370WP: rầy lưng trắng/lúa 530EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

180	3808.10	Alpha-cypermethrin 100g/l (150g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 150g/l (300g/kg)	Sieublack 350SC, 750WP	350SC: sâu đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê 750WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
181	3808.10	Alpha-cypermethrin 1%, (75g/kg) + Fipronil 9% (150g/kg) + Indoxacarb 20% (75g/kg)	Acmaestersuper 30WP, 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá sinh Á Châu
182	3808.10	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	bọ xít, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ cam	Công ty CP Long Hiệp
183	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l + Imidacloprid 100g/l + Thiamethoxam 200g/l	Zap 350SC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
184	3808.10	Alpha-cypermethrin 50 g/l + Permethrin 5g/l + Profenofos 30g/l	Ktecto 85EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
185	3808.10	Alpha-cypermethrin 50g/l (100 g/l), (100g/l), (30g/l) + Phoxim 45g/l (30 g/l), (100g/l), 400g/l)	Kasakiusa 95EC, 130EW, 200EC, 430EC	95EC: Bọ trĩ/lúa 130EW, 200EC: Sâu cuốn lá/lúa 430EC: Sâu đục thân/lúa, bọ xít muỗi/ điều	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
186	3808.10	Alpha - cypermethrin 10g/l + Profenofos 200g/l	Profast 210EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa, sâu xanh/ đậu tương, rệp sáp, rệp vảy, sâu đục quả/ cà phê	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
187	3808.10	Alpha - cypermethrin 30g/l (30g/l) + Profenofos 270g/l (570g/l)	Actatac 300EC, 600EC	300EC: sâu đục thân/ lúa 600EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
188	3808.10	Alpha-cypermethrin 30 g/l + Quinalphos 270 g/l	Moclodan 300EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
189	3808.10	Alpha-cypermethrin 35g/l + Quinalphos 215g/l	Focotoc 250EC	sâu khoang/ lạc	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
190	3808.10	Amino acid	Amino 15SL	Rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
191	3808.10	Amitraz (min 97%)	Binhac 20 EC Mitac 20 EC	nhện đỏ/ cam nhện/ cây có múi, nhện lông nhung/nhãn	Bailing International Co., Ltd Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd

192	3808.10	Annonin (min 95%)	TT-Anonin 1EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
193	3808.10	Artemisinin	Visit 5 EC	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; rầy xanh/ chẻ; rệp muội, bọ trĩ/ cây có múi	Công ty CP PAC
194	3808.10	Azadirachtin	Agiaza 0.03 EC, 4.5EC	0.03EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; bọ trĩ, rầy xanh/ chẻ; rệp sáp/ na; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ rau cải; nhện đỏ/ ớt; rệp/ cà 4.5EC: sâu xanh/ cải xanh; sâu đục quả, nhện đỏ/ ớt; sâu tơ/ bắp cải; rệp sáp/ thuốc lá; nhện đỏ/ hoa hồng; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp/ cà pháo; sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/ lúa; nhện đỏ/ cam; rệp sáp/ na; bọ cánh tơ, nhện đỏ, rầy xanh/ chẻ	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
			Alivi 0.3EC	sâu tơ, sâu xanh/ rau cải xanh; nhện đỏ, rầy xanh/ chẻ; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam, quýt; sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Nicolox
			Aza 0.15 EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Phan Lê
			A-Z among 0.03EC, 0.15EC, 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	0.03EC, 0.15EC: rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chẻ; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê. 0.3EC: sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ cải bông, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chẻ; nhện đỏ/ cam; rệp muội/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ cà chua 0.6EC, 0.9EC: bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chẻ; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Công ty TNHH An Nông
			Bio Azadi 0.3SL	bọ trĩ/ nho	Công ty TNHH CNSH Diễn Trang Xanh
			Boaza 0.3EC, 0.6EC	0.6EC: Nhện gié/ lúa 0.3EC: Sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Nông Duyên
			Cittioke 0.6EC, 0.9EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua	Nongfeng Agrochem Co., Ltd.

Goldgun 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bấp cái; sâu xanh da láng/ súp lơ; sâu xanh/ cà chua, đậu tương; rệp đào/ thuốc lá; nhện đỏ/ cà phê	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Hoaneem 0.03EC, 0.15EC, 0.3EC	sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhảy, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Jasper 0.3 EC	sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ rau thập tự, nhện đỏ/ cây có mùi, rầy bông/ nho, rệp/ thuốc lá, rầy xanh/ chè	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Kozomi 0.15EC, 0.3EC, 1EC	0.15EC: bọ nhảy/ bắp cải; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; rầy nâu/ lúa 0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rệp đào/ thuốc lá; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 1EC: rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh/ xoài; sâu đục quả/ đậu đỗ; rầy xanh chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Minup 0.3EC, 0.6EC, 0.9EC	0.3EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cà chua 0.6EC, 0.9EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ súp lơ, đậu tương; sâu xanh/ cà chua; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH US:Chemical
Misec 1.0 EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ, bọ nhảy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
Mothian 0.35EC, 0.7EC	0.35EC: sâu tơ/ bắp cải 0.7EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; rệp muối, bọ nhảy/ rau cải; sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá; nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An

		Nem Nim Xoan Xanh green 0.15 EC, 0.3 EC	0.15EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh to/ chè 0.3EC: ruồi đục lá/ cải bó xôi, rệp sáp/ cà phê, bọ cánh to/ chè, sâu to/ bắp cải, sâu xanh da láng/ cải bông	Doanh nghiệp Tư nhân TM Tân Quy	
195	3808.10	Azadirachtin 1.5g/kg + Chlorfluazuron 200g/kg + Emanectin benzoate 5.5g/kg	Sarkozy 0.3EC, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; sâu to, sâu xanh, bọ nhậy/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy xanh, bọ xít muỗi/ chè	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
			Sokotin 0.3EC	sâu to, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh đa láng/ đậu tương; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè	Công ty CP Phát triển NN Việt Tiến Lạng Sơn
			Super Fitoc 3EC, 5EC, 10EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu to, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Công nghệ cao Hà Nội
			Trutat 0.32EC	sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; sâu to/ bắp cải; rệp muội/ cải bẹ; bọ nhậy/ rau cải; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH CNSH Khải Hoàn
			Vineem 1500EC	rệp/ rau, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; bọ nhậy, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi, rầy xanh/ chè	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		VSN 10SL	sâu cuốn lá/ chè	Công ty TNHH chè Vina Suzuki	
196	3808.10	Azadirachtin 5g/l (7g/l), (9g/l) + Emanectin benzoate 5g/l (7.5g/l), (9g/l)	Mig 18 207WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
197	3808.10	Azadirachtin 0.1g/l (0.1g/l), (0.2g/l),	Ramec 10EC, 15EC, 18EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu to, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh to, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
		Emacimec 10.1EC, 20.1EC,	10.1EC, 20.1EC, 40.2EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu to/ bắp cải; rầy xanh/ chè;	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông	

		(0.1g/kg), (0.1 g/kg), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/l), (0.1g/l) + Emamectin benzoate 10g/l (20g/l), (40g/l), (54.9g/kg), (69.9g/kg), (74.9g/l), (79.9g/l), (99.9g/l), (102.9g/kg)	40.2EC, 55SG, 70SG, 75SC, 80EC, 100SC, 103SG	rệp bông/ xoài; nhện đỏ/ cam 55SG, 80EC: sâu cuốn lá/ lúa 70SG, 75SC, 100SC: Sâu tơ/bắp cải 103SG: rầy nâu/lúa	
198	3808.10	Azadirachtin 3 g/l (3g/kg), (3g/l), (3g/kg), (3g/kg) + Emamectin benzoate 22 g/l (52g/kg), (52g/l), (62g/kg), (97g/kg)	Promethion 25EC, 55WG, 65WG, 100WG	25EC: Sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/cam 55WG: Sâu xanh/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa, sâu tơ/ bắp cải 55EC: Sâu tơ/bắp cải 35WG, 100WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
199	3808.10	Azadirachtin 0.124% + Extract of Neem oil 66%	Agrimorstop 66.124EC	sâu khoang/ lạc	Agrimor IL LTD
200	3808.10	Azadirachtin 3 g/l + Matrine 2 g/l	Lambada 5EC	sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ hành; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
201	3808.10	Azadirachtin 5g/l (7.5g/l), (10g/l) + Matrine 4g/l, (7.5g/l), (10g/l)	Golmec 9EC, 15EC, 20EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
202	3808.10	Azadirachtin 0.6% + Matrine 0.4%	Biomax 1 EC	sâu xanh bướm trắng, rệp muội, sâu tơ/ bắp cải, cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu tương, cà chua; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, rệp muội/ chè; bọ nhảy/ cải làn; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rệp muội/ cam; sâu vẽ bùa, rệp muội, nhện đỏ/ quýt	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
203	3808.10	Azadirachtin 3g/l + Spinosad 17g/l	Dompass 20SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
204	3808.10	Azocyclotin (min 98%) 100g/l (200g/kg) + Flonicamid (min 98%) 260g/l (550g/kg)	Autopro 360SC, 750WP	360SC: nhện đỏ/ cam, rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa 750WP: nhện đỏ/ cam, nhện lông nhung/ vải, rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

205	3808.10	Azocyclotin 300g/kg + Spiromesifen (min 97%) 400g/kg	Trextot 700WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
206	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai	Aizabin WP	sâu tơ, sâu xanh, sâu đo/ rau họ hoa thập tự; sâu khoang, sâu cuốn lá/ lạc; sâu khoang, sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh, sâu khoang, sâu đo/ cà chua; sâu cuốn lá/ cây có múi; sâu xanh, sâu khoang/ thuốc lá; sâu xanh, sâu đo/ bông vải	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
207	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kusstacki	Aztron DF 35000 DMBU	sâu tơ/ cải bắp; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu tơ, sâu khoang/ cải xanh; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu đục quả/ hồng xiêm, xoài	Doanh nghiệp Tư nhân TM Tân Quý
			Enasin 32WP	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP ENASA Việt Nam
			Map - Biti WP 50000 IU/mg	sâu xanh, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ rau cải, dưa hầu; sâu xanh/ cà chua, đậu tương, thuốc lá	Map Pacific PTE Ltd
			Xentari 35WG	sâu tơ/ bắp cải, sâu khoang/ nho	Valent BioSciences Corporation USA
			An huy (8000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cô vè; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Biobit 16 K WP, 32 B FC	sâu xanh/ bắp cải, sâu xanh / bông vải	Forward International Ltd
207	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kusstacki	Biocin 16 WP, 8000 SC	16WP : sâu tơ/ rau cải, sâu xanh da láng/ đậu 8000SC : sâu tơ rau cải, bắp cải; sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Baolus 50000 IU/mg WP	sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM Kim Sơn Nông
			Bicilus 18WP	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH King Elong
			Comazol (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; rầy xanh, nhện đỏ/ chè	Công ty CP Nicotex
			Crymax [®] 35 WP	sâu tơ/ bắp cải	Cali – Parimex. Inc.
			Delfin WG (32 BIU)	sâu tơ/ rau; sâu đo/ đậu; sâu xanh/ cà chua, hoa hồng, hành; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu khoang, sâu xanh/ bắp cải; sâu róm/ thông	Certis USA

Dipel 6.4WG	sâu tơ/ bắp cải; bộ xít muối; sâu cuốn lá/ chè	Valent BioSciences Corporation USA
Firibiotox - P 16000 IU/mg bột	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau họ thập tự; sâu xanh, sâu khoang/ đậu; sâu cuốn lá lúa; sâu róm/ thông	Viện Công nghiệp thực phẩm, Hà Nội
Firibiotox - C 3 x 10 ⁶ bào tử/ml dịch cô đặc	sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau họ thập tự; sâu xanh, sâu khoang/ đậu; sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông	Viện Công nghiệp thực phẩm, Hà Nội
Forwabit 16 WP, 32WP	sâu xanh/ bắp cải; sâu ăn lá/ bông vải	Forward International Ltd
Halt 5% WP (32000 IU/mg)	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc	Công ty CP Công nghệ tiêu chuẩn sinh học Vĩnh Thịnh
Jiabat 15WG, (50000 IU/mg) WP	15WG: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp (50000 IU/mg)WP: sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
Kuang Hwa Bao WP 16000 IU / mg	sâu tơ, sâu bướm trắng/ bắp cải	Kuang Hwa Chemical Co., Ltd
MVP 10 FS	sâu tơ, sâu xanh/ rau	Cali – Parimex. Inc.
Newdelpel (16000 IU/mg) WP, (32000 IU/mg) WP, (64000 IU/mg) WG	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; rầy xanh, bộ cánh tơ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH An Nông
Shian 32 WP (3200 IU/mg)	sâu tơ/ rau thập tự	Công ty TNHH SX – TM – DV Tô Đăng Khoa
Thuricide HP, OF 36 BIU	HP: sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải, cà chua; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông ÔF 36BIU: sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh/ hành, cà chua, hoa hồng; sâu đục quả/ vải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu róm/ thông	Certis USA
Vbtusa (16000 IU/mg) WP	sâu tơ, bộ nhậy/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam; sâu róm/ thông; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
Vi - BT 16000WP, 32000WP	16000WP: sâu ăn lá/ rau, sâu cuốn lá/ lúa 32000WP: sâu tơ/ bắp cải, sâu xanh da láng/ đậu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
V.K 16 WP, 32 WP	sâu xanh/ bông vải, sâu tơ/rau	Công ty CP BVTV I.TW

208	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 16.000 IU + Granulosis virus 10 ⁸ PIB	Bitadin WP	sâu ăn lá, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ rau; sâu xanh, sâu xanh da láng, sâu khoang, sâu đục thân, sâu đục quả/ bông vải, thuốc lá; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; sâu róm/ thông; rệp bông xo/ mía	Công ty TNHH Nông Sinh
209	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki 1.6% + Spinosad 0.4%	Xi-men 2SC	bọ phấn, dòi đục lá/ cà chua; sâu tơ, rệp muội, sâu xanh/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu tương; sâu xanh da láng/ hành; dòi đục lá, nhện đỏ/ dưa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucy
210	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. kurstaki (50.000 IU) 1% + Thiosultap - sodium (Nereistoxin) 54%	Olong 55WP	sâu xanh/ cải củ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
211	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> . var. 7216	Amatic (10 ¹⁰ bào tử/ml) SC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Pethian (4000 IU) SC	sâu tơ/ su hào; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Thiên An
212	3808.10	<i>Bacillus thuringiensis</i> var. T 36	TP - Thần tốc 16.000 IU	sâu đục thân/ lúa; rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH Thành Phương
213	3808.10	<i>Beauveria bassiana</i> Vuill	Beauveria	sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ xoài	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hòa Nông
			Biobaave SDP	rầy nâu/ lúa; sâu róm/ thông	Trung tâm NC SX các chế phẩm sinh học
			Biovip 1.5 x 10 ⁹ bào tử/g	rầy, bọ xít/ lúa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
214	3808.10	<i>Beauveria</i> 10 ⁷ CFU/g + <i>Metarhizium</i> 10 ⁷ CFU/g	Muskardin	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP TST Cần Thơ
			Thiên địch-tăng hình WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Lương Nông
215	3808.10	<i>Beauveria bassiana</i> 1 tỷ bào tử/ g + <i>Metarhizium anisopliae</i> 0.5 tỷ bào tử/g	Trắng xanh WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành
216	3808.10	Bensultap (min 98%)	Pretiny 95WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM - SX Ngọc Yến
217	3808.10	Beta-cyfluthrin (min 96.2 %)	Bulldock 025 EC	sâu khoang, rệp/ lạc; bọ xít, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ bông vải; sâu xanh, sâu cuốn lá / đậu tương;	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

				sâu xanh, rệp thuốc lá; rệp/ dừa hấu; sâu ăn lá, sâu xanh da láng/ nhỏ; sâu đục quả/ cà phê; sâu bướm mắt rần, dòi đục lá/ cây có múi; sâu khoang, sâu đục thân, rệp/ ngô; bọ trĩ, bọ xít muỗi/ chè; sâu ăn lá/ điều		Công ty CP Nicotex
218	3808.10	Beta-cyfluthrin 12.5g/l + Chlorpyrifos Ethyl 250g/l	Notan 2.8EC Bull Star 262.5 EC	sâu vẽ bùa/ cam bọ xít/ nhện; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê, ca cao, hồ tiêu; sâu khoang/ đậu tương, lạc, khoai tây, ca cao; Bọ xít muỗi/ca cao, sâu khoang, sâu xám/ngô		Bayer Vietnam Ltd (BVL)
219	3808.10	Beta-cyfluthrin 35g/l (62.5g/kg) + Chlorpyrifos Ethyl 535g/l (410g/kg) + Imidacloprid 25g/l (82.5 g/kg)	Pustausa 555WP, 595EC	555WP: Bọ trĩ/lúa 595EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; nhện lông nhung/ vải, một đục cành/cà phê		Công ty TNHH An Nông
220	3808.10	Beta-cyfluthrin 90g/l + Imidacloprid 210g/l	Solomon 300 OD	bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; Rệp/ngô; rệp sáp/cà phê, cam, hồ tiêu, vải; bọ trĩ/xoài, điều		Bayer Vietnam Ltd (BVL)
221	3808.10	Beta-cypermethrin (min 98.0 %)	Chix 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa; sâu khoang/ lạc; rệp sáp cà phê; rầy/ xoài; rầy chống cánh/ cam; rệp/ dừa hấu		Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
			Daphatox 35 EC	sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê		Công ty TNHH TM Việt Bình Phát
			Nicyper 4.5 EC	sâu đục quả/ xoài, sâu vẽ bùa/ cam, sâu xanh/ đậu xanh, rệp vẩy/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa		Công ty CP Nicotex
			Viserin 4.5 EC	sâu vẽ bùa/ cam		Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
222	3808.10	Beta-cypermethrin 50g/l, (60g/kg), (200g/l), (10g/kg) + Buprofezin 50g/l, (60g/kg), (10g/l), (300g/kg)	Okamex 100EC, 120WP, 210SC, 310WP	100EC: sâu đục thân/ lúa 120WP: Sâu cuốn lá/ lúa 210SC, 310WP: rầy nâu/ lúa		Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
223	3808.10	Beta-cypermethrin 70g/l + Chlorpyrifos ethyl 480g/l	Superfos 550EC	Rầy nâu/Lúa		Công ty TNHH Vipes Việt Nam
224	3808.10	Beta-cypermethrin 36g/l + Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Quinalphos 205g/l	Wofamec 666EC	Sâu đục thân/Lúa		Công ty CP QT Hoà Bình

225	3808.10	Beta-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l + Lufenuron 60g/l	Caranygold 120EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
226	3808.10	Beta-cypermethrin 10 g/l, (15g/l), (20g/kg) (20g/l) + Profenofos 200 g/l (100g/l), (300g/kg) (500g/l) + Thiamethoxam 50 g/l (160g/l), (100g/kg) (50g/l)	Akulagold 260 EW, 275SC, 420WP, 570EC	260EW, 420WP : rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê 275SC : rầy lưng trắng/lúa 570EC : Rầy nâu/ lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
227	3808.10	Benfuracarb (min 92 %)	Oncol 3GR, 5GR, 20EC, 25WP	3GR : sâu đục thân/ lúa, mía 5GR : sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp vảy, tuyến trùng/ cà phê 20EC, 25WP : bọ trĩ/ dưa hấu; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cam quýt; rệp vảy, tuyến trùng, Ấu trùng ve sầu/cà phê	Otsuka Agritechno Co., Ltd
228	3808.10	Bifenthrin (min 97%)	Talstar 10 EC	sâu khoang/ lạc	FMC Chemical International AG
229	3808.10	Bifenthrin 17.1% + Imidacloprid 17.1%	Vote 34.2SC	Sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH Phú Nông
230	3808.10	Buprofezin (min 98 %)	Annongaplau 100WP, 250WP, 250SC, 400SC, 400WG	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Anproud 70WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV An Giang
			Aperlaur 100WP, 250WG, 250WP, 500EC, 500WP, 700WG	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Apolo 10WP, 25WP, 25SC, 40WP	10WP, 25SC : rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê 25WP : rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài 40WP : rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Applaud 10WP, 25SC	10WP : rầy/ lúa, rầy xanh/ chè 25SC : rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cam	Nihon Nohyaku Co., Ltd
			Asmai 100WP, 250WP,	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

350WP, 500WG, 500WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Bombi 300WP	rây nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
Bush 700WG	10WP: rây nâu/ lúa; rập sáp/ cà phê, xoài; rây chống cánh/ cây có múi; bộ xít muối/ điều	Bailing International Co., Ltd
Butal 10 WP, 25WP	25WP: rây chống cánh/ cam; rây nâu/ lúa; rây xanh/ chè; rập sáp/ xoài, cà phê; bộ xít muối/ điều	
Butyl 10WP, 40WG, 400SC	10WP: rây nâu/ lúa, rây xanh/ chè 40WG: rây nâu/ lúa, rây bông/ xoài, rây nâu nhỏ, rây lưng trắng/ lúa 400SC: rây nâu/ lúa, rây bông/ xoài	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Difluent 10WP, 25WP	10WP: rây nâu/ lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Encofezin 10WP, 25WP	25WP: rây nâu/ lúa, rập sáp/ na 10WP: rây nâu/ lúa, bộ xít muối/ chè 25WP: rây nâu / lúa	Công ty TNHH Alfa (Saigon)
Hoptara 25WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Hello 250WP, 500WP, 700WG	250WP: rây nâu/ lúa, rập, rây bông/ xoài; rây xanh, bộ xít muối/ chè; rập sáp/ cà phê; rây chống cánh/ cam 500WP: rây nâu/ lúa, rập sáp/ cà phê, na; rây chống cánh/ cam 700WG: Rây nâu/ lúa, rây bông/ xoài, rập sáp/ cà phê, rập sáp/ cam, rập muối/ dừa hấu, bộ xít muối/ điều, rây xanh/ lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Lobby 10WP, 25WP	10WP: rây nâu/ lúa 25WP: rây nâu, rây lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH ADC
Map – Judo 25 WP, 800WP	25WP: rây nâu/ lúa, rập sáp/ cam 800WP: rập sáp/ cà phê, rây nâu/ lúa	Map Pacific PTE Ltd
Oneplaw 10WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
Pajero 30WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Thanh Hưng
Partin 25WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

			Profezin 10WP, 250WP, 400SC Ranadi 10 WP, 25WP Sấm sét 25WP, 400SC Thần công 25WP Tiffy Super 500WG Tiksun 250WP Uni-prozin 25WP Viappla 10WP, 25WP	10WP, 250WP: Rầy nâu/lúa 400SC: Bọ xít muỗi/chè, rầy bông/ xoài, rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa 25WP: rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài 400SC: rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè	Công ty CP Hóc Môn
--	--	--	--	---	---

236	3808.10	Buprofezin 25% (150g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 5% (400g/l)	U30-Thôn trang 30WP, 55EC	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
237	3808.10	Buprofezin 280g/kg, (100/kg), (300g/kg), (250g/l), (250g/l) + Chlorpyrifos ethyl 300g/kg (400g/kg), (300g/kg), (400g/l), (510g/l) + Dinotefuran 15g/kg (100g/kg), (25g/kg), (16g/l), (17g/l)	Dragoncin 595WP, 600WP, 625WP, 666EC, 777EC	595WP, 625WP, 666EC: Rây nâu/lúa 777EC, 600WP: rệp sáp/cà phê, rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
238	3808.10	Buprofezin 150g/l + Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Dinotefuran 200g/l	Nanosynusa 700EC	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
239	3808.10	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Nanora super 700EC	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
240	3808.10	Buprofezin 120g/l + Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Fipronil 35g/l	Winter 635EC	rây nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa, rây phán trắng/lúa	Công ty TNHH ADC
241	3808.10	Buprofezin 120 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 495 g/l + Fipronil 35 g/l	ABM-gold 650EC	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
242	3808.10	Buprofezin 200g/kg (90g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 50g/kg (400g/l) + Imidacloprid 200g/kg (10g/l)	Bamper 450WP, 500EC	450WP: Rây nâu/lúa 500EC: Sâu đục thân, rây nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
243	3808.10	Buprofezin 100 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Clacostusa 600EC	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
244	3808.10	Buprofezin 150g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Himlam 700WP	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Thuốc BVTV Long An

245	3808.10	Buprofezin 400 g/kg + Chlorpyrifos Ethyl 300g/kg + Imidacloprid 40g/kg	Federo 740WP	Rầy nâu/ lúa	Jiangsu Runtain Agrochem Co., Ltd.
246	3808.10	Buprofezin 22% + Chlorpyrifos Ethyl 5% + Imidacloprid 3%	Maraton 30EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Vật tư KTTN Cần Thơ
247	3808.10	Buprofezin 300g/kg + Chlorpyrifos ethyl 400g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Tople 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
248	3808.10	Buprofezin 100g/kg (160g/kg), (160g/kg), (170g/kg), (170g/kg) + Chlorpyrifos ethyl 200g/kg (206g/kg) (210g/kg), (218g/kg), (228g/kg) + Pymetrozine 300g/kg (320g/kg), (330g/kg), (340g/kg), (370g/kg)	Treshacmy 600WP, 686WG, 700WP, 728WP, 768WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP TM và Dầu tư Bắc Mỹ
249	3808.10	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l	Supergun 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
250	3808.10	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Mastecride 45SC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều	Sundat (S) Pte Ltd
251	3808.10	Buprofezin 50 g/l + Deltamethrin 6.25g/l	Dadeci EC	rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
252	3808.10	Buprofezin 400g/l + Deltamethrin 50g/l	Season 450SC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM DV XNK Đức Thành
253	3808.10	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Sieubup 200WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
254	3808.10	Buprofezin 25% + Dinotefuran 5%	Apta 300WP	Rầy nâu/ lúa, bọ cánh tơ/ chè	Công ty TNHH ADC
255	3808.10	Buprofezin 180g/kg + Dinotefuran 120g/kg	Dino-top 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt

256	3808.10	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Raynansa 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
			Lotoshine 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
			Party 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Đông Phát
257	3808.10	Buprofezin 20% + Dinotefuran 10%	Bn-dinobu 30WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
258	3808.10	Buprofezin 155g/kg + Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 145g/kg	Bluecat 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM Đầu tư Bắc Mỹ
259	3808.10	Buprofezin 7% + Fenobucarb 20 %	Applaud-Bas 27 WP	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
260	3808.10	Buprofezin 100g/l + Fenobucarb 500g/l	Hoptara2 600EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
261	3808.10	Buprofezin 5 g/kg, (100g/l); (300g/kg) + Fenobucarb 80 g/kg, (500g/l), (350g/kg)	Roverusa 85GR, 600EC, 650WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
262	3808.10	Buprofezin 250g/l + Fenobucarb 425g/l	Gold-cow 675EC	Rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
263	3808.10	Buprofezin 100g/kg (120g/kg), (10g/l), (1g/l) (20g/l) + Fenobucarb 10g/kg (10g/kg), (10g/l), (511g/l), (500g/l) + Thiamethoxam 10g/kg (10g/kg), (350g/l), (1g/l), (30g/l)	Helloone 120WP, 140WP, 370SC, 513EC, 550EC	120WP, 550EC: Rầy lưng trắng/lúa 140WP, 370SC, 513EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
264	3808.10	Buprofezin 100g/kg + Fenobucarb 10g/kg + Thiamethoxam 10g/kg	Buccas 120WP	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
265	3808.10	Buprofenzin 250g/kg + Fipronil 50g/kg	Lugens top 300WP	rệp sáp/ cà phê, bọ xít, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông

266	3808.10	Buprofezin 20g/l (125.5 g/kg), (20g/kg), (230g/kg) + Fipronil 20g/l (0.5g/kg), (100g/kg), (30g/kg) + Imidacloprid 5g/l (40g/kg), (100g/kg), (500g/kg)	Fidanone 45EW, 166WP, 220WP, 760WG	45EW, 220WP: Sâu cuốn lá/lúa 166WP, 760WG: Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuộc BVT Việt Trung
267	3808.10	Buprofezin 6.7%, (40%) + Imidacloprid 3.3% (10%)	Gold Tress 10WP, 50WP	10WP: rầy nâu/ lúa 50WP: rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu, na; bọ trĩ/ dưa hấu; rầy nâu/ lúa; rầy bông/ xoài	Công ty CP Nông nghiệp HP
268	3808.10	Buprofezin 6.7% (22%) + Imidacloprid 3.3% (17%)	Thần Công Gold 10WP, 39WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
269	3808.10	Buprofezin 6.7% + Imidacloprid 3.3%	Admara 10WP Imiprid 10WP	rầy nâu/ lúa Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH -- TM Tân Thành Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
270	3808.10	Buprofezin 10% + Imidacloprid 20%	Daiphat 30WP Uni-prozindor 30WP	rầy nâu, bọ trĩ/ lúa Rầy nâu/ lúa	Taiwan Advance Science Co., Ltd Công ty TNHH World Vision (VN)
271	3808.10	Buprofezin 25% + Imidacloprid 15%	IM1.R4 40WP	Rầy nâu/ lúa, rầy bông/ xoài, rệp sáp/ cà phê, sâu vẽ bùa/cam, bọ xít muỗi/ diều	Công ty CP Thanh Điện
272	3808.10	Buprofezin 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Cytoc 250WP Shepatoc 250WP	rầy nâu/ lúa Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
273	3808.10	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anchies 250WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
274	3808.10	Buprofezin 195 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Ascophy 220WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
275	3808.10	Buprofezin 250 g/kg + Imidacloprid 25g/kg	Efferayplus 275WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh

276	3808.10	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Imburad 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Bình Điền Mê Kông
277	3808.10	Buprofezin 250g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Map spin 350WP	rầy nâu/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
278	3808.10	Buprofezin 250g/kg (300g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (100g/kg)	Babsax 300WP, 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
279	3808.10	Buprofezin 300 g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Wegajapane 450WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
280	3808.10	Buprofezin 450g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Diflower 600WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê
281	3808.10	Buprofezin 22.5% (20g/kg), (50g/l), (200g/l), (250g/kg) + Imidacloprid 2.5% (100g/kg), (200g/l), (200g/l), (500g/kg)	VK.Superlau 25WP, 120WP, 250EC, 400SC, 750WG	25WP: Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 120WP: Rầy nâu/ lúa 250EC, 400SC, 750WG: Bọ trĩ, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang
282	3808.10	Buprofezin 90g/kg (20g/l), (50g/l), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 20g/kg (1g/l), (50g/l), (20g/kg), (300g/kg) + Isoprocarb 100g/kg (300g/l), (350g/l), (410g/kg), (100g/kg)	Topogold 210WP, 321EC, 450EC, 450WP, 600WP	450EC, 600WP: Rầy nâu/lúa 210WP, 321EC, 450WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
283	3808.10	Buprofezin 300g/l (550g/kg) + Imidacloprid 30g/l (150g/kg) + Lambda-cyhalothrin 50g/l (50g/kg)	Iltersuper 380SC, 750WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông

284	3808.10	Buprofezin 105g/kg, (190g/kg), (18g/kg), (150g/kg), (6g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Imidacloprid 40g/kg, (18g/kg), (191g/kg), (150g/kg), (5g/kg), (20g/kg), (200g/kg) + Thiosulap-sodium 40g/kg, (38g/kg), (38g/kg), (50g/kg), (429g/kg), (710g/kg), (400 g/kg)	Actaone 185WP, 246WP, 247WP, 350WG, 440WP, 750WP, 800WP	185WP, 350WG, 800WP: rầy nâu/lúa 246WP, 247WP: Rầy nâu, bọ trĩ/lúa 440WP: sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
285	3808.10	Buprofezin 5.0 % + Isoproc carb 20.0 %	Applaud - Mipic 25 SP Apromip 25WP Jabara 25WP	rầy/ lúa, rệp sáp/ cây có múi rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ hồ tiêu rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc sắt trùng Việt Nam Công ty TNHH Alfa (Saigon) Dongbu Farm Hannong Co., Ltd.
286	3808.10	Buprofezin 6% + Isoproc carb 19%	Superista 25EC	rầy nâu/ lúa, rầy xanh/ chè, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
287	3808.10	Buprofezin 350g/kg (200g/kg) + Lambda-cyhalothrin 30g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 300g/kg (500g/kg)	Goldcheck 680WP, 750WP	680WP: Bọ xít/ vải, nhện gié, rầy nâu/lúa 750WP: Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
288	3808.10	Buprofezin 150 g/kg (200g/l), (150g/kg) + Pymetrozine 150 g/kg (400g/l), (500g/kg)	Tvpymemos 300WP, 600EC, 650WG	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hoá chất & TM Trần Vũ
289	3808.10	Buprofezin 150g/kg (200g/kg), (50g/kg), (20g/kg) + Pymetrozine 20g/kg, (200g/kg), (500g/kg), (780g/kg)	Chesgold 170WP, 400WP, 550WG, 800WP	170WP, 400WP, 550WG: Rầy nâu/lúa 800WP: rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung

290	3808.10	Buprofezin 200g/kg (50g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg)	Topchest 400WP, 550WG	400WP: Rây nâu/ lúa 550WG: Rây lưng trắng/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
291	3808.10	Buprofezin 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chatot 600WG	Rây nâu/ lúa	Công ty CP Dầu tư TM & PT NN ADI
292	3808.10	Buprofezin 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Vintarai 600WG	Rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
293	3808.10	Buprofezin 10% + Tebufenozide 5 %	Jia-ray 15WP Quada 15WP	rây nâu/ lúa rây nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN) Nihon Nohyaku Co., Ltd
294	3808.10	Buprofezin 250g/kg + Tebufenpyrad (min 98%) 350g/kg	Newtime 600WP	Nhện gié/ lúa	Công ty TNHH An Nông
295	3808.10	Buprofezin 250 g/kg + Thiamethoxam 50 g/kg	Acme 300WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
296	3808.10	Buprofezin 269g/kg (449 g/kg), (499g/l), (50g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 1g/kg (1g/kg), (1g/l), (450g/kg)	Aplougnet 270WP, 450WP, 450SC, 500WP	270WP, 450WP, 450SC: Rây nâu/ lúa 500WP: sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
297	3808.10	Carbaryl (min 99.0 %)	Baryl annong 85 WP Carbavin 85 WP Comet 85 WP Forvin 85 WP Para 43 SC Saivina 430 SC Sebaryl 85 SP Sevin 43 FW, 85 WP	sâu đục thân/ cây có múi, sâu đục quả/ xoài rệp/ cà chua, rầy/ hoa cảnh rây nâu/ lúa, sâu vẽ bùa/ cây có múi sâu đục thân/ lúa, sâu vẽ bùa/ cây có múi sâu đục quả/ nhãn rây nâu/ lúa rây nâu/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh 43FW: ruồi/ lạc, rây chống cánh / cây có múi 85WP: rầy/ cây có múi, bọ cánh cứng/ xoài	Công ty TNHH An Nông Kuang Hwa Chemical Co., Ltd Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd. Forward International Ltd Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông Công ty CP BVTV Sài Gòn Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang Bayer Vietnam Ltd (BVL)

298	3808.10	Carbosulfan (min 93%)	Alfasulfan 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
			Aftudan 3GR, 20 SC	3GR: sâu đục thân/ ngô, tuyến trùng/ cà phê 20SC: sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ bông vải, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH – TM Thái Nông
			Amirage 200EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
			Carbosan 25 EC	rầy nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Brightonmax International Sdn Bhd, Malaysia
			Coral 5GR, 200SC	5GR: sâu đục thân/ lúa 200SC: rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM ACP
			Dibafon 5GR, 200SC	5GR: tuyến trùng/ mía 200SC: rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh-Rê
			Marshal 3GR, 5GR, 200SC	3GR: sâu đục thân/ mía 5GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; tuyến trùng/ cà phê 200SC: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê	FMC Chemical International AG
			Viflu - super 5 GR	tuyến trùng/ hồ tiêu, cà phê; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân, sâu nâu, rầy nâu, tuyến trùng/lúa	Công ty CP Thuốc sắt trùng Việt Nam
299	3808.10	Carbosulfan 200 g/l + Chlorfluazuron 50g/l	Sulfaron 250EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu keo, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; rệp sáp, một đục cành /cà phê; sâu xanh láng/ lạc	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
300	3808.10	Carbosulfan 200 g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Bop 600EC	Một đục cành, rệp sáp/ cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC
301	3808.10	Cartap (min 97%)	Alfatap 10GR, 95SP	10GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
			Badamong 4GR, 10GR, 95SP	4GR: sâu đục thân/ lúa 10GR: sâu đục thân/ lúa, mía 95SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu ăn lá/ lạc	Công ty TNHH An Nông
			Bazan 5GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
			Caral 95 SP	sâu đục thân/ lúa	Arysia LifeScience Vietnam Co., Ltd
			Dantac 50GR, 100GR, 500SP,	50GR, 100GR, 500SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		950SP: sâu đục thân/ lúa 4GR: sâu đục thân/ lúa 95SP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa sâu đục thân/ lúa sâu đục thân/ lúa sâu đục thân/ lúa sâu đục thân/ lúa sâu đục thân/ lúa 4GR: sâu đục thân/ lúa; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa 50SP: sâu đục thân/ lúa, ngó, mía, rầy xanh/ chè 95SP: sâu đục thân/ lúa; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu vẽ bùa/ cây có múi; sâu khoang/ lạc sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ lúa Bọ xít/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/ngó, mía; sâu khoang/lạc; sâu đục hoa/dậu xanh; sâu cuốn lá; sâu đục thân/lúa 4GR: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 50GR, 100GR, 500SP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 95SP: sâu đục thân lúa, ngó 4GR: sâu đục thân/ lúa 95WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa sâu cuốn lá/ lúa sâu cuốn lá/ lúa sâu đục thân/ lúa sâu đục thân/ lúa 4GR, 95SP Abagent 500WP Nosau 85WP Vipami 6.5 GR Wofagent 500WP	950SP Gà nòi 4GR, 95SP Jiatap 95SP Ledan 4GR, 10 GR, 95SP Longkick 50SP Nicata 95 SP Padan 4GR, 50SP, 95SP Patox 4GR, 50SP, 95SP Supertar 950 SP Wofadan 4GR, 50GR, 95SP, 100GR, 500SP Vicar 4GR, 95SP Abagent 500WP Nosau 85WP Vipami 6.5 GR Wofagent 500WP	302 303 304 305	3808.10 3808.10 3808.10 3808.10	Cartap 470 g/kg + Imidacloprid 30 g/kg Cartap 75% + Imidacloprid 10% Cartap 4 % + Isoprocarb 2.5 % Cartap hydrochloride 475g/kg + Fipronil 25g/kg	Công ty CP BVTV Sài Gòn Công ty CP Jia Non Biotech (VN) Công ty TNHH - TM Bình Phương Dongbu Farm Hannong Co., Ltd. Công ty CP Nicotex Sumitomo Chemical Co., Ltd Công ty CP BVTV I TW Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng Công ty CP Công nghệ cao Hà Nội Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức Công ty TNHH - TM Nông Phát Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
--	--	---	--	--------------------------	--	--	---

306	3808.10	Cartap 45% + Thiamethoxam 1%	Natera 46% SG	sâu đục thân/lúa	Syngenta Vietnam Ltd
307	3808.10	Celastus angulatus	Agilatus IEC	sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân/lúa; bọ trĩ/ chèn; rệp sáp/ cam; sâu đục quả/ vại; sâu tơ/ bắp cải; bọ nhày/ rau cải; nhện dòi/ ớt; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ thuốc lá	Công ty TNHH VT NN Phuong Dong
			Emmus IEC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu khoang/ lạc; sâu xanh da láng/ thuốc lá; rầy xanh, bọ trĩ/ chèn; dòi đục lá/ đậu tương	Công ty TNHH Truong Thinh
308	3808.10	Chlorantraniliprole (min 93%)	DuPont TM Prevathon [®] 0.4GR, 5SC, 35WG	0.4GR: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 5SC: dòi đục lá/ cà chua, dưa hấu; sâu xanh sọc trắng/ dưa hấu, sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương, hành; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/cà chua, bọ nhày/rau cải thìa, sâu khoang/lạc, 35WG: sâu tơ, bọ nhày/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	DuPont Vietnam Ltd
309	3808.10	Chlorantraniliprole 5g/kg (20%), (100g/l) + 10g/kg (20%), (200g/l) Thiamethoxam	Virako 1.5GR, 40WG, 300SC	1.5GR: Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân, dòi đục lá /lúa 40WG: Rầy lưng trắng, rệp/ngô, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhân 300SC: bọ nhày/ rau cải, rệp/ cà chua, sâu xám/khoai tây	Syngenta Vietnam Ltd
310	3808.10	Chlorantraniliprole 100g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Ampligo 150ZC	Sâu cuốn lá/lúa	Syngenta Vietnam Ltd
311	3808.10	Chlorfenapyr	Chlorferan 240SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yên
			Danthick 100EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
			Ohayo 100SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty TNHH BMC
			Secure 10EC, 10SC	10EC: sâu xanh da láng/ đậu đỗ lấy hạt, bọ trĩ/ dưa hấu, nhện dòi/ cây có mùi, sâu cuốn lá/ lúa 10SC: nhện dòi/ cam, bọ trĩ/ dưa hấu, sâu xanh da láng/ lạc	BASF Vietnam Co., Ltd.

312	3808.10	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Bugattegold 120SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
313	3808.10	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Bạch Hổ 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
314	3808.10	Chlorfenapyr 100g/l + Fipronil 100g/l	Force 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
315	3808.10	Chlorfenapyr 50g/l + Hexythiazox 50g/l	Sectorun 100SC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Nông Việt
316	3808.10	Chlorfluazuron (min 94%)	Alulnette 50EC	sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Atabron 5EC	sâu tơ/ bắp cải	Ishihara Sangyo Kaisha Ltd
			Atannong 50EC, 50SC	50EC: sâu phao/ lúa 50SC: sâu khoang/ lạc, sâu xanh da láng/ đậu xanh	Công ty TNHH An Nông
			Cartaproné 5 EC	sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
317	3808.10	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Bn-samix 26EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
318	3808.10	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 120g/l + Indoxacarb 80g/l	Thadant 300EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dầu Tiên Giang
319	3808.10	Chlorfluazuron 150g/kg (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/kg (460g/l) + Fipronil 250g/kg (40g/l)	Kampon 600WP, 600EC	600WP: Sâu đục thân/lúa 600EC: rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
320	3808.10	Chlorfluazuron 100g/l + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l + Fipronil 100g/l	Akief 400EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
321	3808.10	Chlorfluazuron 55g/l + Emamectin benzoate 20g/l	AK Dan 75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
322	3808.10	Chlorfluazuron 2g/l + Emamectin benzoate 40g/l	Futoc 42EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
323	3808.10	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l), (100g/kg) + Emamectin benzoate 20g/l (40g/l), (40g/kg)	Director 70EC, 140EC, 140WP	70EC: Sâu tơ/bắp cải, nhện đỏ/ ớt, sâu cuốn lá/ lúa, bộ trĩ/hoa lay ơn 140EC, 140WP: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong

324	3808.10	Chlorfluazuron 50g/l (100g/l) + Emamectin benzoate 50g/l (30g/l)	Ammeri 80EC, 150EC	80EC: Sâu to/bấp cải, sâu cuốn lá/ lúa 150EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
325	3808.10	Chlorfluazuron 100g/l (g/kg) + 40g/l (g/kg) Emamectin benzoate	Alantic 140SC, 140WG	140WG: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa 140SC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
326	3808.10	Chlorfluazuron 175g/kg + Emamectin benzoate 40g/kg + Fipronil 300g/kg	Verulapane 515WP	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
327	3808.10	Chlorfluazuron 100g/l + Fipronil 160g/l	Fiplua 260EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Vipres Việt Nam
328	3808.10	Chlorfluazuron 0.2g/kg, (100g/l), (200g/kg) + Fipronil 9.7g/kg, (160g/l), (320g/kg)	Luckystar 260EC	Sâu năn, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ xít/ lúa; rầy chổng cánh/ cam; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
			Zumon super 260EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
			Chief 9.9GR, 260EC, 520WP	9.9GR: rầy nâu, sâu năn, sâu đục thân/ lúa 260EC: Rầy phấn trắng, nhện gié, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh/ lạc, 520WP: Rầy phấn trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH ADC
329	3808.10	Chlorfluazuron 110g/l (200g/kg), (220g/kg) + Fipronil 175g/l (325g/kg), (345g/kg)	Schiepusamy 285EC, 525WP, 565WP	285EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa 525WP, 565WP: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
330	3808.10	Chlorfluazuron 100 g/l (200g/kg) + Fipronil 100g/l (300g/kg) + Imidacloprid 100g/l (250g/kg)	Goodrix 300SC, 750WP	300SC: Sâu cuốn lá/ lúa 750WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; nhện lông nhung/ vải	Công ty TNHH An Nông
331	3808.10	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 350 g/kg + Imidacloprid 100g/kg	TT oxy 650WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
332	3808.10	Chlorfluazuron 200g/kg + Fipronil 200g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Fipthoxam 750WG	Sâu phao đục bẹ/ lúa	Công ty CP KT Dohaedusa

333	3808.10	Chlorfluazuron 70 g/l + Indoxacarb 150 g/l	NPellaugold 220SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
334	3808.10	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT Bite 30SC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
335	3808.10	Chlorfluazuron 49.9g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg	Aniper 99.9WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
336	3808.10	Chlorfluazuron 200g/kg (300g/kg) + Lambda- cyhalothrin 50g/kg (50g/kg) + Nitenpyram 500g/kg (430g/kg)	Onecheck 750WP, 780WP	750WP: Rầy nâu/ lúa 780WP: Bọ xít/ vải, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu đục thân, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
337	3808.10	Chlorfluazuron 50g/l + Pemethrin 100g/l + Profenofos 300g/l	Messigold 450EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
338	3808.10	Chlorfluazuron 5g/l (93g/l), (10g/l), (220g/kg), (100g/l), (1g/l) + Profenofos 71g/l (1g/l), (1g/l), (10g/kg), (350g/l), (510g/l) + Thiamethoxam 10g/l (1g/l), (264g/l), (200g/kg), (50g/l), (1g/l)	Bakari 86EW, 95EW, 275SC, 430WP, 500EC, 512EC	86EW: bọ trĩ/lúa 275SC: rầy nâu/lúa 430WP, 95EW: sâu cuốn lá/lúa 512EC, 500EC: Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
339	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl (min 94 %)	Acetox 40EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Trường Thịnh
			Alcobale 40EC	sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
			Anboom 40EC, 48EC	40EC: rệp sáp/ cà phê, mối/điều 48EC: Mọt đục cành/cà phê, sâu đục ngọn/điều, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV An Giang
			Arusa 480EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Nông
			Bonus 40 EC	rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Nicotex
			Bullet 48 EC	sâu khoang/ lạc, rệp sáp/ cà phê	Imaspro Resources Sdn Bhd

Chlorban 20 EC, 48EC	20EC: sâu cuốn lá/ lúa 48EC: rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ bông vải; sâu xanh da láng/ đậu tương	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
Forfox 250EC, 400EC	sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
Genotox 48EC, 55.5EC	48EC: sâu xanh da láng/ đậu tương 55.5EC: sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh/ lạc, đậu tương; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH CN KH Múa màng Anh Rê
Hoban 30EC, 500EC	30EC: sâu xanh da láng/ lạc, sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê 500EC: bọ xít muỗi/điều, sâu xanh da láng/lạc, sâu đục thân/lúa, một đục cành/cà phê	Công ty CP Hắc Môn
Lora 100GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
Lorsban 15GR, 30EC, 40EC, 75WG	15GR: sâu đục thân lúa; sâu đục thân, sâu đục bắp/ ngô 30EC: sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương, lạc; rệp sáp/ cà phê 40EC: mối/ cao su, hồ tiêu; rệp sáp/ cà phê 75WG: sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, sâu vẽ bùa/ cam	Dow AgroSciences B.V
Mapy 48 EC	rệp sáp/ cà phê, hồ tiêu, na, sâu vẽ bùa/ cam; sâu xanh/ đậu tương; sâu đục thân/ ngô, một đục cành/cà phê; sâu đục thân/lúa; một đục quả/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
Maxfos 50 EC	rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Hóa nông Hợp Trí
Medomor 40EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Asiagro Pacific Ltd
Mondeo 40EC, 60EC	40EC: sâu đục thân/ lúa, sâu khoang/ lạc 60EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
Noviphos 48EC	rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Nông Việt
Nycap 15GR, 48EC	15GR: rệp sáp rế/ cà phê, rệp sáp/ bưởi 48EC: sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục bắp/ ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
Pictac 800WG	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
Pro-tin 480EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH P - H

		Pyrinex 20 EC, 480EC	20EC: sâu xanh da láng/lạc; sâu cuốn lá/lúa; xử lý đất, xử lý hạt giống; rệp sáp/dừa, na, cà phê 480EC: sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH CN Makhteshim Agan Việt Nam
		Pyritox 200EC, 400EC, 480EC	200EC, 400EC: sâu phao đục bẹ/lúa; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục hoa/đậu tương; một đục cành/cà phê 480EC: rệp vảy/cà phê; sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sanpyrphos 20EC, 48EC	20EC: sâu đục thân/lúa 48EC: sâu khoang/lạc	Forward International Ltd
		Sargent 6GR	sâu đục thân/lúa, mía; rầy nâu/lúa, môi/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieu Sao E 500WP	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Siriphos 48EC	Sâu cuốn lá/Lúa	Bharat Rasayan Ltd.
		Terminide 40EC	rệp sáp/cà phê	Hexstar Chemicals Sdn, Bhd
		Tricel 20EC, 48EC	20EC: sâu xanh/đậu tương 48EC: bọ trĩ; sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp giã/cà phê	Excel Crop Care Limited
		Tipho-sieu 400EC	sâu cuốn lá/đậu tương, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Virofos 20EC, 50EC	20EC: rệp/cây có múi; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; sâu xanh da láng/đậu tương; mối/cao su, cà phê 50EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitashield 18EC, 40EC	18EC: sâu đục thân/lúa 40EC: rệp sáp/cà phê, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		B52-usa 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Nanofos 600EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Killray TSC 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ
340	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Buprofezin 100g/l		
341	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500 g/l + Buprofezin 100 g/l		
342	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 350g/kg + Clothianidin 150g/kg + Thiamethoxam 100g/kg		

343	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l, (450g/l), (550g/l) + Cypermethrin 25g/l, (50g/l), (200g/l)	Stopinsect 275EC, 500EC, 750EC	275EC: sâu đục bẹ/ lúa 500EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu đục ngọn/ diều, bọ hà/khoai lang; sâu đục quả/cà phê 750EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Đại Nông
344	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Cypermethrin 25g/l	Nurelle D 25/2.5 EC	sâu đục thân, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ bông vải; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Dow AgroSciences B.V
345	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 42% (515g/l), (505g/l), (510g/l) + Cypermethrin 8% (80g/l), 200g/l, (250g/l)	Triceny 50EC, 595EC, 705EC, 760EC	50EC: sâu đục quả/ đậu tương; sâu phao đục bẹ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ na, cà phê 595EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 705EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 760EC: Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
346	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 35% (50%), (550g/l) + Cypermethrin 5% (10%), (150g/l)	Docytox 40EC, 60EC, 700EC	40EC: sâu đục thân/ ngô 60EC: sâu cuốn lá/ lúa 700EC: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Thanh Hưng
347	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l (580g/l) + Cypermethrin 50g/l (100g/l)	Aseld 450EC, 680EC	450EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc; sâu ăn lá/ nhãn 680EC: rệp sáp/ cà phê, sâu xanh/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH - TM Thái Nông
348	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 459g/l (530g/l) + 45.9g/l (50g/l) Cypermethrin	Subside 505EC, 585EC	505EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp, một đục cành, sâu đục quả/ cà phê 585EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH - TM ACP
349	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 45.9% + Cypermethrin 4.59%	Bintang 50.49EC	Sâu đục thân/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Hexlar Chemicals Sdn. Bhd.
350	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 45 g/l (100g/l), (200g/l), (400g/kg), (500g/l), (600g/l) + Cypermethrin 50 g/l (100g/l), (200g/l), (50g/kg), (60g/l), (60g/l)	Cadicone 95EC, 200EC, 400EC, 450WP, 560EC, 660EC	95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC, 400EC: Sâu cuốn lá/ lúa 560EC, 450WP: Sâu đục thân/ lúa 660EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
351	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 25% (40%), (50%), (55%) + Cypermethrin 5% (1%), (5%), (5%)	Tungcydan 30EC, 41EC, 55EC, 60EC	30EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng, dòi đục lá/ đậu xanh, sâu róm/ diều; bọ trĩ, sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

				41EC: mối/ cà phê, hồ tiêu 55EC: sâu xanh da láng/ đậu xanh; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô; sâu róm, sâu đục thân/ điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ trĩ, bọ xít, nhện gié, rầy nâu/ lúa; một đục cánh, sâu đục thân, rệp sáp/ cà phê 60EC: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; một đục cánh/ cà phê; sâu ăn lá/ khoai lang; sâu đục quả/ đậu tương; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục thân, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp, rệp muội/ hồ tiêu	
352	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l (530g/l) + Cypermethrin 50 g/l (55g/l)	Victory 300EC, 585EC	300EC: Rệp/ mía 585EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, một đục cánh/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
353	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	sâu đục quả/ đậu tương; sâu róm/ điều, rệp sáp/ cà phê, sâu xanh da láng/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa, mối/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
354	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	God 550EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu phao đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa/ cam; sâu đục quả/ đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
			Co-cyfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Baconco
			Supraxong 550EC	Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Bảo
			Trusul 550EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; sâu đục thân/ ngô	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
			Vanguard 550EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
			Wusso 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BMC
355	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l) + Cypermethrin 50g/l (200g/l)	Lion super 550EC, 750EC	550EC: Sâu đục thân/ lúa 750EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH P-H
356	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l) + Cypermethrin 50 g/l (85g/l), (100g/l), (277g/l)	Serpal super 550EC, 585EC, 600EC, 777EC	550EC: Rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa 585EC: Rệp sáp/ cà phê, rầy nâu/ lúa 600EC: Rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa 777EC: Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát

357	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (550g/l), (560g/l) + Cypermethrin 200g/l (227g/l), (239g/l)	Dải Băng Đỏ 700EC, 777EC, 799EC	700EC: sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/vải 777EC: rầy nâu/lúa 799EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
358	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (500g/l), (500g/l), (500g/l), (500g/l), (650 g/l), (650g/l), (650g/l) + Cypermethrin 55g/l (105), (150g/l), (205g/l), (250g/l), (130g/l) (150g/l), (200g/l)	Petrang 55.5EC, 605EC, 650EC, 705EC, 750EC, 780EC, 800EC, 850EC	55.5EC: sâu đục thân/ngó 605EC, 705EC, 650EC, 750EC: sâu đục bẹ/lúa 780EC, 800EC, 850EC: Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
359	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l (g/kg) + Cypermethrin 200 g/l (g/kg)	Tadagon 700EC, 700WP	700EC: Rầy nâu, sâu keo, sâu phao, sâu keo, rầy lưng trắng/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục ngọn/điều; sâu đục quả/đậu tương 700WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
360	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 53.0% + 5.5 % Cypermethrin	Dragon 585 EC	rệp/cây có múi; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa cần; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/lạc; rầy nâu/lúa	Imaspro Resources Sdn Bhd
361	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l (590g/l) + Cypermethrin 55 g/l (110g/l)	Dragaonong 585EC, 700EC	585EC: Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu khoang/đậu xanh 700EC: Sâu xanh da láng/đậu xanh; rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
362	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 55 g/l	Ca - hero 585EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
			Sairifos 585EC	Rầy nâu nhỏ, rầy lưng trắng, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/xoài; rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Tigishield 585EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
363	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l, (500 g/l) + Cypermethrin 55g/l (100 g/l)	Wavotox 585EC, 600 EC	585EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê 600EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng

364	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Uni-dowslin 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
365	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500 g/l + Cypermethrin 60g/l	Râyusa 560EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Hoà sinh Phong Phú
366	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	sâu cuốn lá/ lúa	Taiwan Advance Science Co., Ltd
367	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 50g/l	F16 600EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
			Jia-cyfos 600EC	rầy nâu/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
368	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 15%	Laxytox 70EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Thuốc BVTV Long An
369	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 450g/l + Cypermethrin 50g/l	Jubilant 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược HAL Quy Nhơn
370	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 100g/l	Fotoc 600EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
371	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 50g/l	Inip 650EC	Bộ trĩ/lúa	Công ty TNHH Vi Dan
372	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Cypermethrin 150g/kg	T-P Boshi 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
373	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 200g/l	Cáo sa mạc 700EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Công ty TNHH Cảnh Đông Việt.VN
374	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Cypermethrin 100g/l	Penny 700EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
375	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l	Ekar 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Phương Nam
376	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500 g/l + Cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 10g/l	Acgoldfly 560EC	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
377	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500 g/l + Cypermethrin 50 g/l + Fenpropathrin 100 g/l	Rago 650EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóc Môn
378	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 575g/l + Cypermethrin 100g/l + Fipronil 20g/l	Overagon 695EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang

379	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 550g/l + Cypermethrin 150g/l + Indoxacarb 60g/l	Pumgold 760EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
380	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400 g/l + Cypermethrin 155g/l+ Imidacloprid 50 g/l	Snatousamy 605EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
381	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Cypermethrin 150g/l + Imidacloprid 50g/l	Andotox 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
382	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 530g/l + Cypermethrin 120g/l + Lufenuron 50g/l	Volz 700EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
383	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 30g/kg (10g/l), (10g/l), (100g/kg), 100g/l, (5g/l), (600g/l) + Cypermethrin 10g/kg (30g/l), (150g/l), (25g/kg), (25g/l), (40g/l), (40g/l)+ Phoxim 20g/kg (55g/l), (40g/l), (100g/kg), (10g/l), (400g/l), (26g/l)	Cygold 60GR, 95EC, 200EC, 225WP, 225EC, 445EC, 666EC	60GR, 445EC, 666EC: Sâu đục thân/ lúa 95EC: Bọ trĩ/ lúa 200EC: Sâu cuốn lá/ lúa 225EC: rệp sáp/ cà phê 225WP: Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
384	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 370g/l + Cypermethrin 96g/l + Quinalphos 200g/l	Samafos 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
385	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Diophos 666EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
386	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Hbousa 550WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
387	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 512g/l + Emamectin benzoate 18g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Fiphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ
			Goldphos 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội

			Rockest 555EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
388	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400 g/l + Etofenprox 200 g/l	Godsuper 600EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa/cam; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
389	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 3% + Fenobucarb 2%	Visa 5 GR	sâu đục thân, rầy nâu, sâu đục bẹ/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
390	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 250 g/l + Fenobucarb 300 g/l	Rockfos 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
391	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 200 g/l (250g/l) + Fenobucarb 400 g/l (500g/l)	Babsac 600EC, 750EC	600EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều 750EC: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp muội/ cà phê; sâu róm/ điều	Công ty TNHH Việt Thắng
392	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 350g/l + Fenobucarb 300 g/l	Fenfes 650EC	Một đục cánh/cà phê; bọ trĩ/ thuốc lá; sâu róm/ điều; sâu đục thân, sâu keo, bọ xít dài, sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
393	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 200g/l + Fenobucarb 350g/l	Super Kill Plus 550EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
394	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 280g/l + Fenobucarb 306g/l + Imidacloprid 80g/l	Sucotoc 666EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hoà Bình
395	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 300g/l + Fenobucarb 340g/l + Lambda-cyhalothrin 26g/l	Dratoc 666EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty Cổ phần Quốc tế Hòa Bình
396	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Anhosan 790EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
397	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 28.5g/kg (300g/kg) + Fipronil 1.5g/kg (30g/kg)	Wellof 3GR, 330EC	3GR: Rầy nâu/ lúa 330EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Nông dược HAI
398	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 200g/l + Imidacloprid 20g/l	Fidur 220EC	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
399	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 4% (56%), (200g/l) + Imidacloprid 1% (10%), (50g/l)	Losmine 5GR, 66WP, 250EC	5GR: rệp sáp/ hồ tiêu, rầy nâu/ lúa, sâu đục thân/ lúa 66WP: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp/ cà phê 250EC: bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả/ bông vải	Công ty CP Đồng Xanh

400	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro – per 250 EC, 600EC, 600WP	250EC: sâu cuốn lá/ lúa, rầy/ xoài 600EC, 600WP: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
401	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (570g/l), (720g/kg) + Imidacloprid 50g/l (25g/l) (57.7g/kg)	Usagrago 250EC, 595EC, 777.7WP	250EC: sâu cuốn lá/ lúa 595EC: Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/ lúa; rệp sáp/ cà phê; ấu xanh da láng/đậu xanh 777.7WP: Bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông
402	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 48% (480g/l) + Imidacloprid 7% (70g/l)	Dizorin super 55EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/ lúa; rệp sáp/ hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH – TM Tân Thành
403	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 480g/l + Imidacloprid 20g/l	Duca 500EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
404	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 5% (45%), (480g/l) + Imidacloprid 7% (20%), (120g/l)	Reppy 12GR, 65WP, 600EC	12GR: sâu đục thân/ lúa 65WP: rệp sáp/ cà phê, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa 600EC: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
405	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 490 g/l (500g/kg) + Imidacloprid 105 g/l (250g/kg)	Osakajapane 595EC, 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
406	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400g/l + Imidacloprid 50g/l	Topol 45EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH hoá chất NN Quốc tế
407	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 400g/kg + Imidacloprid 110g/kg + 45g/kg Lambda-cyhalothrin	Ragonmy 555WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty CP Lan Anh
408	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda- cyhalothrin 30 g/kg	Caster 630WP	Rầy nâu/ lúa	Jiangsu Runtain Agrochem Co., Ltd.
409	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 524g/l + Imidacloprid 40.5g/l + Lambda-cyhalothrin 30.5g/l	Sory 595EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH An Nông

410	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 235g/l (475g/l) + Lambda-cyhalothrin 15g/l (25g/l)	Monofos 250EC, 500EC	sâu đục thân, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ Châu Mỹ
411	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 240 g/l (480g/l) + Lambda-cyhalothrin 10g/l (20g/l)	Pyridaia 250EC, 500EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
412	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 450 g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Endo-gold 500EC	rầy nâu, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
413	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 475 g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Chlorphos 500EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
414	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 580g/l + Lambda-cyhalothrin 20g/l	Centerfly 600EC	Sâu đục bẹ/ lúa	Jiangsu Runtain Agrochem Co., Ltd.
415	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Lambda-cyhalothrin 100g/l	Disulfan 600EC	Rầy nâu/lúa	Changzhou Pesticide Group Co., Ltd
416	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Lambda-cyhalothrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Shepeme 666EC	Sâu đục thân/Lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
417	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 100g/l	Cabatox 600EC	Bộ trĩ, nhện gié/lúa	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
418	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 600g/l + Permethrin 50g/l	Novas super 650EC	Sâu xanh da láng/ đậu tương ; rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Việt
419	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 5%, (10%), (500g/l), (500g/kg) + Permethrin 1%, (2%), (100g/l), (100g/kg)	Tasodant 6GR, 12GR, 600EC, 600WP	6GR: rầy nâu, sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, ve sầu, mối/ cà phê 12GR: sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sùng đất, rệp sáp, ve sầu/ cà phê, mối/ cà phê 600WP: sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa; rệp sáp/ cà phê 600EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH ADC
420	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Permethrin 85 g/l	Dagronindia 585EC	Sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
421	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Permethrin 100g/l + Pymetrozine 100g/l	Suuly 600EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PTNN ADI

422	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map arrow 420WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pre Ltd
423	3808.10	Chlorpyrifos ethyl 10g/kg (50g/kg), (50g/kg), (400g/kg) (500g/l), (600g/l) + Pymetrozine 490g/kg (500g/kg), (550g/kg), (250g/kg), (166g/l), (177g/l)	Schesynlop 500WG, 550WG, 600WP, 650WP, 666EC, 777EC	500WG, 550WG, 600WP, 650WP, 666EC, 777EC: Rầy nâu/lúa 666EC: rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Tân Vũ
424	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 250g/l + Pymetrozine 125g/l + Thiamethoxam 125g/l	Aranta 500EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
425	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiamethoxam 125 g/kg	Schecusa 625EC	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
426	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Thiosulap- sodium (Neristoxin) 300g/kg	Okachi 800WP	Sâu đục thân/ lúa	Bailing International Co., Ltd
427	3808.10	Chlorpyrifos Ethyl 25% (500g/l) + Trichlorfon 25% (250g/l)	Medophos 50EC, 750EC	50EC: sâu xanh/ đậu xanh 750EC: Sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
428	3808.10	Chlorpyrifos Methyl (min 96%)	Monttar 3 GR, 7.5EC, 20 EC, 40EC Sago - Super 3 GR, 20EC Siensao 40EC Taron 50 EC	3GR: sâu đục thân/ ngô 7.5EC, 20EC: sâu cuốn lá/ ngô 40EC: sâu xanh da láng/ đậu tương 3GR: sâu đục thân/ lúa, bọ cánh cứng/ dừa, ve sâu/ cà phê, sâu đục bắp/ ngô 20EC: rệp sáp/ cà phê; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ/ điều, dừa hấu sâu vẽ bùa/ cam; xử lý hạt giống để trừ sâu đục thân, rầy nâu, muỗi hành, rầy xanh/ lúa; sâu đục quả, rệp/ đậu tương; rệp, rệp sáp, sâu đục quả/ cà phê bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cam; sâu đục ngọn/ xoài; sâu đục gân lá/ nhãn; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/ dừa hấu	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông Công ty CP BVTV Sài Gòn Công ty TNHH Phú Nông Map Pacific PTE Ltd

429	3808.10	Chlorpyrifos methyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Map fang 420WP	rây nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
430	3808.10	Chlorpyrifos methyl 300g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Novi-ray 500WP	Rây nâu/Lúa	Công ty CP Nông Việt
			Plattino 500WP	rây nâu/ lúa	Công ty CP NN HP
431	3808.10	Chromafenozide (min 91%)	Phares 50 EC, 50SC	50EC: sâu xanh da láng/đậu tương 50SC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương	Nippon Kayaku Co., Ltd
432	3808.10	Clinopitolite	Map Logic 90WP	tuyến trùng/ lúa, cam, hồ tiêu, thanh long, cà phê	Map Pacific Pte Ltd
433	3808.10	Clofentezine (min 96%)	MAP Oasis 10WP	nhện đỏ/ cam	Map Pacific PTE Ltd
434	3808.10	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16 SG, 0.5GR, 20SC, 50WG	16SG: rây nâu/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu, dòi đục lá/ cà chua, rây xanh/ chè, sâu vẽ bùa/ cam 0.5GR, 20SC, 50WG: Rây nâu/ lúa	Sumitomo Chemical Co., Ltd
			Tiptof 16SG	Rây nâu/lúa, rây xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
435	3808.10	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rây nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
436	3808.10	Clothianidin 500g/kg + Fipronil 250g/kg	Fes 750WG	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
437	3808.10	Cnidiazin	Hetsau 0.4 EC	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ rau họ thập tự; nhện lông nhung/ vại; bọ cánh to/ chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
438	3808.10	Cyantranilprole (min 93%)	Dupont TM Benevia [®] 100 OD	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rây nâu/lúa	Syngenta Vietnam Ltd
439	3808.10	Cyantranilprole 10% + Pymetrozine 50%	Minecto TM star 60WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, rây nâu/lúa	Syngenta Vietnam Ltd
440	3808.10	Cyfluthrin 25 g ai/l + Imidacloprid 25 g ai/l	ConSupra 050 EC	rệp vảy/ cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
441	3808.10	Cyfluthrin 25g/l + Imidacloprid 74.9g/l	Anfigoalusa 99.9EC	Rây xanh/lúa	Công ty CP Nông được Việt Thành

442	3808.10	Cyfluthrin 300g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Bee-tt 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
443	3808.10	Cypermethrin (min 90 %)	Andoril 25.2EC, 50EC, 100EC, 250EC	25.2EC: Sâu cuốn lá/lúa 50EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa 100EC: sâu keo, sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ cây có mùi, sâu đục quả/ xoài 250EC: bọ xít/ lúa, sâu đục quả/ nhãn	Công ty/ TNHH SX TM DV Thu Loan
			Appencyper 10EC, 35EC	10EC: sâu xanh/ đậu tương 35EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
			Arrivo 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; sâu xanh đa lăng/ đậu tương 10EC, 25EC: rầy xanh/ lúa, sâu xanh đa lăng/ đậu tương	FMC Chemical International AG
			Biperin 50EC, 100EC, 250EC	50EC: bọ xít/ lúa 100EC: sâu cuốn lá/ lúa 250EC: sâu xanh đa lăng/ đậu tương	Công ty TNHH TM Bình Phương
			Classtox 250WP	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
			Cymerin 5EC, 10EC, 25EC	5EC: bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ vôi 25EC: bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Cymkill 10EC, 25EC	10EC: bọ trĩ/ lúa, sâu khoang/ bông vải 25EC: sâu vẽ bùa/ cây có mùi, sâu khoang/ bông vải	Forward International Ltd
			Cyper 25 EC	sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ đậu tương	Công ty CP Nông được HAI
			Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều 10EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/ điều; sâu đục quả/ vôi; bọ trĩ, sâu đục quả/ xoài 25EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vôi thiêu	Công ty CP BVTV An Giang
			Cyperkill 5 EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục thân khoai tây; bọ trĩ, bọ xít/ lúa 10EC: sâu khoang/ đậu tương; sâu đục củ/ khoai tây; sâu cuốn lá, rầy xanh, bọ trĩ/ lúa; bọ xít/ vôi 25EC: rầy xanh, sâu cuốn lá/ lúa; bọ xít/ vôi; sâu đục quả/ đậu tương; sâu đục thân/ khoai tây	Agriphar S.A. Belgium

Cypermap 10 EC, 25 EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ xoài 25EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ xít/ cà phê; kiến/ thanh long	Map Pacific PTE Ltd
Cypersect 5 EC, 10 EC	5EC: sâu ăn lá/ khoai tây, rệp/ cà phê 10EC: bọ xít lúa, rệp/ măng cầu	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
Cyrux 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC: sâu xanh/ đậu xanh, bọ xít/ lúa 10EC: rệp muội/ thuốc lá, bọ xít/ lúa, rệp sáp/ cà phê 25EC: sâu xanh/ bông vải, sâu đục bông/ xoài	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
Dibamerin 5 EC, 10 EC, 25 EC	5EC, 25EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, dòi đục lá/ đậu tương, sâu vẽ bùa/ cam 10EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, dòi đục lá/ đậu tương, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
Dosher 25EC	bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH Thanh Hưng
Indiey 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Nitrin 10EC	sâu xanh/ đậu xanh	Công ty CP Nicotex
NP-Cyrin super 100EC, 250EC, 200EC, 480EC	100EC: sâu keo, sâu cuốn lá lúa; sâu đục quả/ xoài 200 EC: bọ trĩ/ lúa, bọ xít/ vải 250 EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ xoài, sâu xanh/ đậu tương 480EC: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
Pankill 5EC, 10EC, 25EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Power 5 EC	bọ xít/ lúa, sâu ăn lá/ xoài	Imaspro Resources Sdn Bhd
Pycythrín 5 EC	sâu phao/ lúa, sâu đục quả/ xoài	Forward International Ltd
SecSaigon 5 EC, 5ME, 10EC, 10ME, 25EC, 30EC, 50EC	5EC: rệp/ cây có múi, sâu xanh/ hoa cây cảnh, sâu cuốn lá/ lúa 5ME, 10ME: sâu tơ/ bắp cải 10EC: nhện đỏ/ bông vải, sâu khoang/ đậu tương, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

	25EC: sâu hồng/ bông vải, rầy/ xoài, rệp/ vải, bọ xít/ nhãn, sâu cuốn lá/ lúa 30EC: sâu khoang/ cao 50EC: rệp/ cà phê, sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh da láng/ đậu tương	
Sherbush 5EC, 10EC, 25EC	5EC: sâu khoang/ lạc, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 10EC: rệp/ cây có múi, bọ xít, sâu keo/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ xít muỗi/ điều 25EC: sâu keo/ lúa, bọ xít/ điều, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Sherpa 10EC, 25EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vải 25EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít/ vải; sâu khoang/ lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
Shertox 5EW, 5 EC, 10EW, 10 EC, 25 EC, 25EW, 50EC	5EW, 50EC: sâu phao/ lúa, rệp vảy/ cà phê 5EC: sâu keo, bọ xít/ lúa, rệp vảy/ cà phê 10EW: rệp sáp/ cà phê, sâu phao/ lúa, sâu ăn lá/ đậu tương, sâu khoang/ lạc 10EC: bọ xít/ lúa 25EC: sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa 25EW: sâu phao/ lúa, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
Somethrin 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH P-H
Southsher 5EC, 10EC, 25EC	5EC, 25EC: sâu khoang/ lạc 10EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
Superrin 50EC, 100EC, 150EC, 200EC, 250EC	50EC: sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa 100EC: bọ trĩ/ lúa 150EC, 200EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa 250EC: sâu khoang/ lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa	Cali – Parimex. Inc.
Tipter 10 EC, 25 EC	10 EC: sâu keo/ lúa 25 EC: sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ điều	Công ty TNHH – TM Thái Phong
Tornado 10 EC, 25EC	10EC: sâu cuốn lá/ lúa, ruồi đục quả/ xoài 25EC: sâu cuốn lá/ lúa, bọ xít muỗi/ điều, rệp sáp/ cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
Tungrin 5EC, 10EC, 25EC, 50EC	5EC: sâu đục quả/ xoài; sâu keo/ lúa; rệp sáp, kiến/ cà phê 10EC: bọ xít, sâu phao, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê;	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

			sâu ăn lá/ cây có mùi; sâu xanh da láng/ đậu tương 25EC: sâu phao, sâu keo/ lúa; rệp sáp/ cà phê; rệp/ thuốc lá; bọ xít muỗi/ điều 50EC: bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; rệp/ thuốc lá	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
		Ustaad 5 EC, 10 EC	5EC: rệp/ cà phê, sâu khoang/ lạc, bọ trĩ/ lúa 10EC: sâu xanh/ bông vải, bọ trĩ/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Visher 10EW, 25EC, 25EW, 50EC	10EW: sâu cuốn lá, sâu phao/ lúa, sâu xanh/ cà chua, thuốc lá; rệp/ cây có mùi 25 EW: sâu xanh/ cà chua, thuốc lá; sâu phao/ lúa; rệp/ cây có mùi 25EC: Sâu cuốn lá, sâu keo/ lúa, sâu đục quả/ xoài 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, sâu khoang/ lạc, rệp muội/ cam	
		Waja 10EC	Bọ trĩ/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Wantox 50EC, 100EC, 250EC, 500EC	50EC, 500EC: sâu khoang/ lạc 100EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; bọ xít/ nhện; bọ xít muỗi/ điều; sâu khoang/ lạc 250EC: bọ xít/ vải, sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
444	3808.10	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 400 g/l	Nugor super 450EC Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu xanh/ đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/ điều; rệp sáp già, một đục cành/ cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
445	3808.10	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TM và XNK Thăng Long
446	3808.10	Cypermethrin 3.0% + Dimethoate 27.0%	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; rệp/ cà phê; sâu ăn lá/ đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
447	3808.10	Cypermethrin 3 % + Dimethoate 37 %	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW
448	3808.10	Cypermethrin 3 % + Dimethoate 42 %	sâu keo/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
449	3808.10	Cypermethrin 50 g/l + Dimethoate 300g/l	bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; rệp sáp/ nhện; rệp, bọ trĩ/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cây có mùi	Công ty TNHH - TM Tân Thành

450	3808.10	Cypermethrin 2% (20g/l) + Dimethoate 10 % (200g/l) + Fenvalerate 3% (30g/l)	Antricis 15 EC, 250EC	15EC: bọ xít, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; sâu vẽ bùa/ cây có mùi 250EC: sâu đục quả/ cà phê, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
451	3808.10	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP - Pentin 15 EC	rệp/ cà phê, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thành Phương
452	3808.10	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
453	3808.10	Cypermethrin 2.0 % + Isoprocarb 6.0 %	Metox 809 8 EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty CP Nicotex
454	3808.10	Cypermethrin 3 % + Malathion 42 %	Macyny 45 EC	sâu keo/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yên
455	3808.10	Cyromazin 25% + Monosulap 50%	Hotosin 75WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
456	3808.10	Cypermethrin 30 g/l + Phosalone 175 g/l	Sherzol 205 EC	sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/ lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/ hoa cây cảnh, vải, nhãn, thuốc lá; sâu đục quả, sâu xanh/ lạc; rầy, sâu xanh/ bông vải; bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
457	3808.10	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
458	3808.10	Cypermethrin 40 g/l + Profenofos 400 g/l	Forwatin C 44 EC	bọ trĩ/ lúa, bọ xít/ xoài	Forward International Ltd
			Polytrin P 440 EC	sâu vẽ bùa/ cam quýt, nhện đỏ/ cây có mùi, rệp sáp/ cà phê	Syngenta Vietnam Ltd
459	3808.10	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH – TM Thái Nông
460	3808.10	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23 EC	sâu xanh/ thuốc lá; rệp sáp/ cà phê; sâu đục quả/ đậu xanh, xoài; sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH United Phosphorus Việt Nam
461	3808.10	Cypermethrin 5 %, (10%) + Quinalphos 20 %, (40%)	Tungrell 25 EC, 50EC	25EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; sâu xanh/ thuốc lá; sâu đục thân/ ngô; sâu ăn lá/ sầu riêng 50EC: Sâu đục bẹ, sâu phao, sâu đục thân, ên gié, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu khoang/ lạc; sâu xanh/ đậu xanh; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

462	3808.10	Cyromazine	Ajuni 50WP Chip 100 SL Newsgard 75 WP Nông nghiệp 75WP Rominda 100SL Trigard 100 SL Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1 SL GC - Mite 70SL Appendelta 2.8 EC Bitam 2.5 EC BM-Delta 2.8 EC Daphacis 25 EC Decis 2.5EC, 25 tab, 250WG	dòi đục lá/ đậu tương sâu vẽ bùa/ cây có mùi sâu vẽ bùa/ cam Sâu vẽ bùa/ cam, dòi đục lá/cà chua Dòi đục lá/cà chua dòi đục lá/ dưa chuột, khoai tây sâu tơ/ bắp cải, rau cải rệp sáp/ cà phê; nhện đỏ/ hoa hồng, bưởi; rệp/ khoai tây; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ, rầy xanh/ chè sâu phao/ lúa bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa rệp/ cam sâu cuốn lá/ lúa, sâu đục quả/ đậu xanh 2.5EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh, rệp/ thuốc lá; sâu khoang/ lạc; rệp muội/ cam; sâu đục thân/ngô, rệp muội/ lạc, sâu xanh/ đậu tương, bọ xít dài/ lúa, sâu vẽ bùa/ cam, rệp muội/ dưa hấu, sâu khoang/nho, sâu ăn lá/ điều, một đục quả/ cà phê 25tab: bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; rệp/ rau, cây có mùi; sâu khoang/ rau cải, lạc 250WG: sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/ lúa	Công ty CP Nicotex Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông Công ty CP Đồng Xanh Công ty TNHH - TM Thái Phong Công ty CP BVTV Sài Gòn VPPD Công ty Syngenta Asia Pacific Pte Ltd tại Đồng Nai Công ty Hóa phẩm Thiên nông Doanh nghiệp Tư nhân TM Tân Quy Công ty TNHH Kiên Nam Bayer Vietnam Ltd (BVL) Behn Meyer Agcare LLP Công ty TNHH TM Việt Bình Phát Bayer Vietnam Ltd (BVL)
463	3808.10	Dầu botanic + muối kali			
464	3808.10	Dầu hạt bông 40% + dầu đỉnh hương 20% + dầu tỏi 10%			
465	3808.10	Deltamethrin (min 98 %)			
			Dersis 2.5SSC, 2.5EC Delta 2.5 EC	2.5SSC: sâu đục quả/ xoài 2.5EC: bọ trĩ, bọ xít muỗi/ điều, sâu cuốn lá/ lúa sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN) Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

			Deltaguard 2.5 EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít muỗi/ điều; bọ xít/ nhãn; sâu đục quả/ cà phê, xoài	Gharda Chemicals Ltd
			Discid 25EC	sâu khoang/ lạc, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
			Meta 2.5 EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/ lúa; sâu vẽ bùa/ cây có mùi; sâu đục quả, rệp/ đậu xanh; sâu khoang/ lạc	Công ty TNHH – TM Tân Thành
			Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
			Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
			Toxcis 2.5EC, 2.5SC	2.5EC: sâu đục bông/ đậu xanh, bọ xít/ lúa 2.5SC: sâu xanh da láng/ đậu tương, rệp vảy/ cà phê	Công ty TNHH An Nông
			Videci 2.5 EC	sâu phao, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
			Wofacis 25 EC	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
			Samourai 35 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
			467	3808.10	Delamethrin 25 g/l (200g/kg), (5g/kg) + Fipronil 50g/l (500g/kg), (795g/kg)
468	3808.10	Delamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP ENASA Việt Nam
469	3808.10	Delamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
470	3808.10	Diafenhiuron (min 97 %)	Detect 50WP	nhện đỏ/ cam	Công ty CP Nicotex
			Fier 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
			Kyodo 25SC, 50WP	25SC: Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa 50WP: Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH BMC

471	3808.10	Diafenthuron 500g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Pegasus 500 SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/ cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/ bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/ cây cảnh; nhện lông nhung/ vải, nhện	VPĐD Công ty Syngenta Asia Pacific Pte Ltd tại Đồng Nai
			Pesieu 500SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
			Sun-fen 500SC	sâu tơ/ bắp cải	Sundat (S) PTe Ltd
			Vangiahen 550SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH - TM Thái Phong
472	3808.10	Diazinon (min 95 %)	Agrozinon 60 EC	sâu đục thân/ lúa, rệp/ cây có múi	Công ty TNHH Alfa (Saigon)
			Azinon 50 EC	sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
			Basitox 5GR, 40EC	5GR: sâu đục thân, sâu nân/lúa 40EC: bọ trĩ/ lúa, sâu đục quả/ điều	Công ty CP BVTV I TW
			Basutigi 10GR, 40EC, 50EC	10GR, 50EC: sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
			Binhnon 40 EC	bọ trĩ, sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ nhãn	Bailing International Co., Ltd
			Cazinon 10 GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, tuyến trùng/ ngô, ve sầu/ cà phê 50EC: sâu đục thân/ lúa, bọ trĩ/ mía	Công ty CP TST Cần Thơ
			Danasu 10 GR, 40EC, 50EC	10GR: sâu đục thân/ ngô, rệp sáp/ cà phê, tuyến trùng/ hồ tiêu 40EC: sâu ăn lá/ ngô, sâu đục thân/ lúa 50EC: sâu đục quả/ đậu tương, một đục quả/ cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
			Diaphos 10GR, 50EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, cà cao; rệp gốc/ cà phê; bọ cánh cứng/ dừa 50EC: sâu đục thân/ ngô; sâu đục quả, một đục cánh/ cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
			Diazan 10GR, 40EC, 50EC, 60 EC	10GR: sâu đục thân/ lúa, ngô, điều; rệp sáp/ cà phê 40EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; bọ trĩ, sâu đục thân/ điều 50EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa, ngô; dòi đục	Công ty CP BVTV An Giang

				thân/ đậu tương; sâu đục thân/ cà phê, sâu đục thân/ điều 60EC : sâu đục thân/ lúa; dòi đục thân/ đậu tương 10GR : sâu đục thân/ lúa, cà phê 50EW : sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; một đục cành/cà phê 60EC : rệp sáp/ dừa, sâu đục thân/ ngô, sâu xanh/ lạc	Công ty TNHH CN Makhteshim Agan Việt Nam
		Kayazinon 40 EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ mía	Nippon Kayaku Co., Ltd	
		Phantom 60 EC	sâu đục quả/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cây có mùi; sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.	
		Subaru 10GR, 40 EC	10GR : sâu đục thân/ lúa, sâu đục quả/ đậu tương 40EC : sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông	
		Tizonon 50 EC	sâu đục thân/ lúa, bọ xít/ nhãn	Công ty TNHH – TM Thái Phong	
		Vibasu 5GR, 10GR, 10BR, 40EC, 50EC	5GR : sâu đục thân/ lúa 10GR : sâu đục thân/ lúa, ngô 10BR : sâu xám/ ngô 40EC : sâu đục thân/ lúa; rệp sáp, sâu vẽ bùa/ cây có mùi 50EC : bọ xít, sâu đục thân/ lúa; rệp/ cây có mùi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	
473	3808.10	Diazinon 6% (30%) + Fenobucarb 4 % (20%) Vibaba 10GR, 50EC	10GR : sâu đục thân/ lúa, sâu/ trong đất/ cây có mùi 50EC : sâu đục thân/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ măng cầu, cây có mùi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	
474	3808.10	Diflubenzuron 200g/kg (430 g/kg) (min 97%) + Nitenpyram 500g/kg (350g/kg) Goodecheck 700WP, 780WP	700WP : Rầy nâu/ lúa 780WP : bọ xít/ vải, rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/ lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH An Nông	
475	3808.10	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg. Sieuecheck 700WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông	
476	3808.10	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg Superram 750WP	rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông	

477	3808.10	Diiflubenzuron 125 g/kg + Pymetrozine 500 g/kg	TT-gep 625WG	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
478	3808.10	Dimethoate (min 95 %)	Arriphos 40 EC Bai 58 40 EC Bi - 58 40 EC Bian 40EC, 50EC Binh - 58 40 EC Bini 58 40 EC Bitox 40 EC, 50 EC By 90 40 EC Cova 40EC Dibathoate 40 EC, 50 EC Dimecide 40 EC Dimenat 20EC, 40 EC Dithoate 40 EC Fezmet 40 EC Forgon 40EC, 50EC Nugor 10GR, 40 EC	bọ xít/ lúa; sâu khoang/ lạc; sâu đục thân/ ngô; rệp sáp/ nhện; sâu riềng; bọ trĩ/ bông vải bọ xít hôi/ lúa, sâu đục quả/ cà phê rệp sáp/ cây có mùi, rệp sáp/ cà phê 40EC: bọ xít/ lúa, rệp/ cà phê, sâu đục ngọn/điều 50EC: bọ xít/ lúa, rệp/ cà phê bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/ lúa; rệp/ đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/ cà phê, hồng xiêm, na, rệp sáp, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cây có mùi; rệp bông xo/ mía rệp/ mía, cà phê; nhện đỏ/ cây có mùi bọ xít/ lúa, rệp sáp/ xoài bọ xít/ lúa rệp sáp/ cà phê rây/ lúa, nhện/ cà phê, dòi đục lá/ đậu tương, bọ xít/ vải bọ xít/ lúa, rệp/ xoài bọ xít/ lúa rệp sáp/ cà phê 40EC: rệp sáp/ cà phê 40EC: rệp/ cà phê, rệp/ dâu nuôi tằm, bọ xít/ lúa rệp sáp/ cà phê, rầy/ xoài rệp/ dưa hấu, sâu ăn lá/ hoa cánh 40EC: sâu cuốn lá/ lúa, rệp/ cây có mùi 50EC: sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cây có mùi 10GR: Rệp sáp giả/ Rệp cà phê, Rệp cam, rệp hồ tiêu; Sâu đục thân/ ngô, lúa; Bọ hung/ Mía; Bọ hà/ Khoai lang 40EC: sâu ăn lá/ lạc; sâu đục thân/ điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cây có mùi; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH - TM Thái Nông Công ty CP Công nghệ cao Hà Nội BASF Vietnam Co., Ltd. Công ty CP BVTV An Giang Bailing International Co., Ltd Công ty CP Nicotex Công ty CP BVTV I TW Công ty TNHH ADC Hextar Chemicals Sdn. Bhd. Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA Agrimatco Vietnam Co., Ltd. Công ty CP BVTV Sài Gòn Công ty TNHH - TM Nông Phát Zuellig (T) Pte Ltd Forward International Ltd Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

		<table> <tr> <td>Pyxocate 44 EC</td><td>rầy/ ngô, rệp/ cây có múi</td><td>Forward International Ltd</td></tr> <tr> <td>Thần châu 58 40EC</td><td>Rệp sáp/ cà phê</td><td>Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Bảo</td></tr> <tr> <td>Tigithion 40EC, 50 EC</td><td>40EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa 50EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê</td><td>Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang</td></tr> <tr> <td>Vidithoate 40 EC</td><td>rệp muội/ cây có múi, rệp/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/ cam</td><td>Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam</td></tr> <tr> <td>Watox 400 EC</td><td>bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rầy/ xoài; rệp/ vải; rệp sáp/ cà phê</td><td>Công ty TNHH Việt Thắng</td></tr> <tr> <td>Difentox 20 EC</td><td>rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê</td><td>Công ty CP BVTV I TW</td></tr> <tr> <td>BB - Tigri 5GR</td><td>rầy nâu/ lúa, dế đũi/ ngô</td><td>Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang</td></tr> <tr> <td>Caradan 5 GR</td><td>bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê</td><td>Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hòa Nông</td></tr> <tr> <td>Palm 5 GR</td><td>sâu đục thân/ lúa</td><td>Công ty CP TST Cần Thơ</td></tr> <tr> <td>Vibam 5 GR</td><td>sâu đục thân/ lúa, ngô</td><td>Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam</td></tr> <tr> <td>481 3808.10 Dimethoate 21.5% + Esfenvalerate 1.5%</td><td>bọ xít/ lúa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc</td><td>Sumitomo Chemical Co., Ltd.</td></tr> <tr> <td>482 3808.10 Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%</td><td>rầy nâu/ lúa</td><td>Công ty CP BVTV I TW</td></tr> <tr> <td>483 3808.10 Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l</td><td>Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê</td><td>Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan</td></tr> <tr> <td>484 3808.10 Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%</td><td>bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê, cây có múi; nhện đỏ/ cam</td><td>Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam</td></tr> <tr> <td>485 3808.10 Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%</td><td>rệp/ đầu tương, bọ xít/ lúa, rệp sáp/ măng cầu, bọ trĩ/ điều</td><td>Công ty CP BVTV Sài Gòn</td></tr> <tr> <td></td><td>Fentox 25 EC</td><td>Công ty CP TST Cần Thơ</td></tr> <tr> <td>486 3808.10 Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l)</td><td>bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ điều 568EC: rệp sáp/cà phê 450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa</td><td>Công ty CP TM và đầu tư Bắc Mỹ</td></tr> </table>	Pyxocate 44 EC	rầy/ ngô, rệp/ cây có múi	Forward International Ltd	Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Bảo	Tigithion 40EC, 50 EC	40EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa 50EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang	Vidithoate 40 EC	rệp muội/ cây có múi, rệp/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rầy/ xoài; rệp/ vải; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng	Difentox 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW	BB - Tigri 5GR	rầy nâu/ lúa, dế đũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang	Caradan 5 GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hòa Nông	Palm 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ	Vibam 5 GR	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	481 3808.10 Dimethoate 21.5% + Esfenvalerate 1.5%	bọ xít/ lúa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Sumitomo Chemical Co., Ltd.	482 3808.10 Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW	483 3808.10 Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan	484 3808.10 Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê, cây có múi; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	485 3808.10 Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	rệp/ đầu tương, bọ xít/ lúa, rệp sáp/ măng cầu, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn		Fentox 25 EC	Công ty CP TST Cần Thơ	486 3808.10 Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l)	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ điều 568EC: rệp sáp/cà phê 450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và đầu tư Bắc Mỹ
Pyxocate 44 EC	rầy/ ngô, rệp/ cây có múi	Forward International Ltd																																																			
Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Bảo																																																			
Tigithion 40EC, 50 EC	40EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê, bọ xít/ lúa 50EC: sâu ăn lá/ cây có múi, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang																																																			
Vidithoate 40 EC	rệp muội/ cây có múi, rệp/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê, nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam																																																			
Watox 400 EC	bọ trĩ, bọ xít/ lúa; rầy/ xoài; rệp/ vải; rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng																																																			
Difentox 20 EC	rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty CP BVTV I TW																																																			
BB - Tigri 5GR	rầy nâu/ lúa, dế đũi/ ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang																																																			
Caradan 5 GR	bọ trĩ/ lúa, sâu đục thân/ mía, ấu trùng ve sầu/ cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hòa Nông																																																			
Palm 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP TST Cần Thơ																																																			
Vibam 5 GR	sâu đục thân/ lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam																																																			
481 3808.10 Dimethoate 21.5% + Esfenvalerate 1.5%	bọ xít/ lúa, rệp sáp/ cà phê, sâu khoang/ lạc	Sumitomo Chemical Co., Ltd.																																																			
482 3808.10 Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	rầy nâu/ lúa	Công ty CP BVTV I TW																																																			
483 3808.10 Dimethoate 400 g/l + Fenobucarb 100 g/l	Rầy nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan																																																			
484 3808.10 Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	bọ xít/ lúa; rệp sáp/ cà phê, cây có múi; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam																																																			
485 3808.10 Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	rệp/ đầu tương, bọ xít/ lúa, rệp sáp/ măng cầu, bọ trĩ/ điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn																																																			
	Fentox 25 EC	Công ty CP TST Cần Thơ																																																			
486 3808.10 Dimethoate 220g/l (318g/l) (390g/l) + Fipronil 30g/l (50g/l)	bọ xít dài, sâu cuốn lá/ lúa; rệp sáp/ cà phê; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ điều 568EC: rệp sáp/cà phê 450EC, 668EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM và đầu tư Bắc Mỹ																																																			

		(60g/l) + Quinalphos 200g/l (200g/l), (218g/l)			
87	3808.10	Dimethoate 2 % + Isoprocarb 3 %	BM - Tigi 5 GR	rây nâu/ lúa, sùng đất/ bắp cải	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
88	3808.10	Dimethoate 286 g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/ lúa, rệp sáp/ cà phê, rệp muội/ mía	Công ty CP Công nghệ cao Hà Nội
89	3808.10	Dimethoate 20 % + Phenthoate 20 %	Vidifen 40EC	rệp sáp/ cà phê, nện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ lạc; bọ xít dài/ lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
90	3808.10	Dimethoate 3 % + Trichlorfon 2 %	Cobitox 5 GR	sâu đục thân/ lúa	Công ty CP BVTV I TW
91	3808.10	Dinotefuran (min 89%)	Asinapane 20WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
			Carasso 400WP	rây nâu, bọ trĩ, rây nâu/ lúa; bọ cánh to/ chè	Công ty TNHH TM – DV Thanh Sơn Hoá Nông
			Chat 20WP	rây nâu/ lúa, bọ nhậy/ bắp cải, rây bông/ xoài, rây chống cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, dòi đục lá/ dưa chuột	Công ty TNHH Phú Nông
			Cheer 20WP	Rây nâu/ lúa, rệp sáp/ cà phê, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty CP Vật tư KTNH Cần Thơ
			Cyo super 200WP	Rây nâu/ lúa	Zhejiang Fuda Chemical Co., Ltd.
			Diny 20WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
			Dovasin 20WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
			Hitoshi 125ME, 200WP, 250WP, 400WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH An Nông
			Ikuzu 20WP	rây nâu/ lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
			Janeiro 25WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
			Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	1GR rây xanh/ đậu bắp, b phần/ cà chua 20WP: rây nâu/ lúa, rây/ xoài, dòi đục lá/ dưa chuột, rây chống cánh/ cam, bọ phấn/ cà chua, bọ nhầy/ bắp cải, bọ trĩ/ dưa hấu, rệp sáp/ cà phê	Mitsui Chemicals Agro, Inc.

			20SG: Bộ phận/cà chua, bộ nháy/cải xanh, rây xanh/đậu bắp 100SL: rây xanh, bộ trĩ, bộ xít muỗi/ chè; bộ trĩ/ hoa cúc; bộ phấn/ hoa hồng; rây nâu/lúa	
		Overcin 200WP	Rây nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Raves 20WP	Rây nâu/lúa	Công ty CP Phương Nam
		Regunta 200WP	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rây nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH – TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rây nâu/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	Rây nâu/lúa, rây chống cánh/cam, rệp vảy/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	25WP: Rây lưng trắng, rây nâu/lúa 150SL: Bộ trĩ/lúa	Công ty TNHH – TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH SX – TM Tô Ba
		Dichest 300WP	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
492	3808.10	Dinotefuran 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg		
493	3808.10	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	xử lý hạt giống trừ rây nâu, bộ trĩ/ lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Sakura 40WP	xử lý hạt giống trừ rây nâu, bộ trĩ, sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Phú Nông
494	3808.10	Dinotefuran 250g/kg (10g/kg) + Fipronil 50g/kg (400g/kg) + Imidacloprid 150g/kg (400g/kg)	450WG: Rây nâu/lúa 810WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
495	3808.10	Dinotefuran 1.9% (200g/kg) + Fipronil 0.1% (100g/kg) + Nitenpyram 48% (250g/kg)	Rây nâu/lúa	Công ty TNHH Hoà sinh Á Châu
496	3808.10	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Rây nâu/ lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh Rê

97	3808.10	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông được Hoàng Ân
98	3808.10	Dinotefuran 5% + Imidacloprid 15%	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
99	3808.10	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
100	3808.10	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
101	3808.10	Dinotefuran 180 g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
102	3808.10	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
103	3808.10	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
			TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tùng Dương
104	3808.10	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	Nhện lông nhung/ vải, rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
105	3808.10	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
106	3808.10	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giá/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
107	3808.10	Dinotefuran 166g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Chetsduc 666WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
108	3808.10	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
109	3808.10	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Quốc tế Mùa Vàng
110	3808.10	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	Bọ xít/vải, rầy nâu/lúa	Jiangsu Frey Agrochemicals Co., Ltd
111	3808.10	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90 % + Avermectin B1b 10 %)	Acplant 1.9EC, 4WG, 4 TB, 6EC, 20WG	1.9EC: rầy nâu, sâu phao đục bẹ/ lúa; bọ trĩ/ dưa hầu, sâu vẽ bùa/ cam 4WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu to/ bắp	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

Bemab 20EC, 40WG, 52WG	sâu tơ/ bắp cải; Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa chuột, sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Anh Dương
Binged 36WG, 50WG	36WG: Sâu xanh da láng/ bắp cải 50WG: Sâu tơ/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Phương Đông
Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
Boema 19EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH MTV Trí Văn Nông
Browco 50WG, 150WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
Calisuper 4.5ME, 5.5WP, 26WG, 41ME, 52WG, 71WG	4.5ME, 5.5WP, 41ME, 52WG, 71WG: sâu cuốn lá/ lúa 26WG: sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
Chim ưng 3.8EC, 5.0WG, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ/ chè; nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH Sơn Thành
Comda gold 5WG	Đòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
Compatt 55.5 WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa	Nongfeng Agrochem Co., Ltd.
Creek 2.1EC, 51WG	2.1EC: Sâu cuốn lá/lúa 51WG: Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hoá chất Đại Nam Á
Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Đại Nông
Đầu trâu Bi-sad 0.5ME, 30EC	0.5ME: rầy nâu, cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam 30EC: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
Doabin 1.9EC, 3.8EC	1.9EC: nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; nhện đỏ/ cam 3.8EC: sâu đục quả/ đậu tương; nhện đỏ/ cam; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đồng Xanh
Dofaben 22EC, 40EC, 70EC, 100EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
Dollar 50WG, 90EC, 90WG	90WG: Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; su xanh/đậu tương 50WG, 90EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam

DT Ema 30EC, 40EC	30EC: Sâu xanh da láng/lạc 40EC: Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
Dylan 2EC, 5WG, 10EC, 10WG	2EC: sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ cải xanh; sâu xanh da láng/ hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam, quýt; nhện lông nhùng, sâu đục quả/ nhãn, vải; sâu xanh/ đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa 5WG: sâu cuốn lá/ lúa, sâu xanh/lạc 10EC: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh/đậu xanh 10WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
Eagle 5EC, 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	5EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu xanh bướm trắng, bọ nhầy, rệp/ cải xanh; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu đũa; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu; dòi đục lá/ đậu tương; sâu khoang, sâu xanh da láng/ lạc; sâu cuốn lá/ đậu xanh; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; nhện đỏ, rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít, nhện đỏ, sâu đục quả/ vải; sâu khoang, rệp/ thuốc lá; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài; sâu xanh da láng, bọ trĩ/ nhỏ; sâu róm/ thông; sâu xanh da láng/ bông vải; bọ trĩ/ điều 10EC, 20EC, 36WG, 50WG: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Vật tư BVTV Hà Nội
Ebama 5.5WG, 50 EC	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Kỹ thuật Nam Việt
Ebenzoate 5WG Ema king 20EC, 40EC, 50WG	Sâu cuốn lá/lúa 20EC, 40EC : Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải 50WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

Emaai 50WG	Rầy nâu, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ, sâu xanh/ bắp cải	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
Emaben 0.2 EC, 2.0EC, 3.6WG, 60SG	0.2EC: sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/ lúa; rệp/ rau cải; rầy xanh, bọ trĩ/ chè; dòi đục lá, sâu đục quả/ cà chua; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang/ bắp cải; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam, quýt 2.0EC, 3.6WG: sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/ lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/ cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ đậu tương 60SG: dòi đục lá/ cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/ vải; bọ trĩ, rầy xanh/ chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu khoang/ đậu tương; sâu xanh bướm trắng/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
Emagold 6.5EC, 6.5WG, 12.5WG	6.5EC: Sâu khoang/ lạc 6.5WG, 12.5WG: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
Emaplant 0.2 EC, 1.9EC, 3.8EC, 5WG	0.2EC: sâu xanh/ đậu xanh 1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu, nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải 3.8EC: nhện gié/ lúa; sâu đục quả/ đậu tương 5WG: sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam	Công ty CP Thanh Điền
Ematin 1.9 EC, 60EC	1.9EC: sâu xanh đục quả/ cà chua, sâu cuốn lá/ lúa 60EC: Sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (SaiGon)
Emathai 4EC	Nhện đỏ/ cam, bọ trĩ/ xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ dưa hấu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
Emathion 25EC, 55EC, 55WG, 65WG, 100WG	25EC: Sâu tơ/bắp cải 55EC: Bọ trĩ/dưa hấu 55WG, 65WG: Sâu đục thân/lúa 100WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hoá chất và TM Trần Vũ
Emasun 2.2EC	Nhện đỏ/ cam; sâu tơ/ bắp cải; Sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện gié, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục bẹ/ lúa	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd.

Emasuper 1.9EC, 3.8EC, 5WG	1.9EC: rầy xanh, bọ cánh to/ chề 1.9EC, 5WG: bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/ lúa; sâu to, sâu xanh/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp muội/ đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu ăn bông/ xoài 3.8EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié / lúa; sâu to/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; rệp/ đậu tương; rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty TNHH Phú Nông
Ematigi 3.8EC	sâu to/ bắp cải, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
Emtin 38EC, 100WG	38EC: Sâu cuốn lá/ lúa 100WG: Sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
Emavua 36EC, 75WG, 50WG	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
Emaxin 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC, 55.5WG, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9 EC: rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu to/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam 55.5WG, 108WG: Nhện đỏ/ cam ; sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa ; rầy xanh/ chè	Công ty TNHH US.Chemical
EMETINamong 0.2EC, 1.0EC, 1.9EC, 3.8EC, 5.55WG, 5.7EC, 7.6EC, 108WG	0.2EC, 1.0EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ cà chua; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 7.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu to/ bắp cải; nhện đỏ/ cam, quýt; sâu xanh/ cà chua 5.55WG, 108WG: rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH An Nông
Etimex 2.6 EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu to/ rau cải, bắp cải; ruồi/ lá/ cải bó xôi; sâu xanh da láng/ cà chua; sâu khoang, sâu xanh/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ, nhện đỏ/	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

	nho; nhện đỏ/ nhện; bọ xít muỗi/ chèn, điều; rệp sáp; nhện đỏ/ cá phê	
Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	20SL: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; bọ trĩ/ đũa hâu; rầy xanh, nhện đỏ/ chèn; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải 35.5EC: Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa 125WG: Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH TM DV XNK Thuận Thành
Focal 5.5EC, 80WG	5.5EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa 80WG: Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu nân / lúa; nhện đỏ/ chèn	Công ty TNHH – TM Tân Thành
Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
G8-Thôn Trang 2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC, 56WG, 96WG, 135WG	2EC, 4EC, 5EC, 5.6EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè 56WG: Sâu cuốn lá/ lúa 96WG: Nhện đỏ/ chè, sâu đục thân/lúa 135WG: sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Doanh nghiệp Tư nhân TM Tân Qui
Goldemec 1.9EC, 3.8EC, 5.7EC, 5.55WG, 108WG	1.9EC, 3.8EC, 5.7EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cà chua; nhện đỏ/ cam, quýt 5.55WG: Nhện gié/lúa 108WG: Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
Golnitor 10EC, 20EC, 36WG, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu khoang/ đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/ đũa hâu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
Haeuro 75WG, 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
Hagucide 70WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM & DV Á Châu
Hoatox 0.5ME, 2ME	0.5ME: sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải, sâu hâu; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu	Công ty TNHH Trương Thịnh

	khொang/ lạc, đậu cove; sâu cuốn lá lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ cánh to/ chẻ; nhện đỏ/ cam, quýt 2ME: sâu to/ bấp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; sâu xanh đa lông/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/ lúa; bọ trĩ/ bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/ chẻ; nhện đỏ/ cam	
Homectin 1.9EC, 40EC, 50WG	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa 40EC: Sâu khoang/lạc, rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều 50WG: Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bấp cải	Công ty CP Hóc Môn
Jiametin 1.9EC	sâu to/ bấp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN) Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
July 1.0 EC, 1.9 EC, 5EC, 5WG	1.0EC, 1.9EC: sâu to, sâu xanh/ cải xanh; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu 5EC, 5WG: sâu to, sâu xanh, bọ nhày/ cải xanh, bấp cải; rệp sáp/ cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/ vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/ chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; sâu xanh, rệp/ đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/ bông vải, thuốc lá	
Kajio 5EC, 5WG	5EC: Sâu xanh/bấp cải, sâu phao đục bẹ/lúa 5WG: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BMC
Khùng 80WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
Kinomec 1.9EC, 3.8EC	1.9EC: sâu to/ bấp cải 3.8EC: bọ trĩ/ dưa hấu, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH TM Kim Sơn Nông
Lion kinh 50WG	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
Măng xà 1.9 EC, 65EC	1.9EC: sâu cuốn lá/ lúa; sâu xanh/ dưa hấu 65EC: Sâu xanh đa lông/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh

Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
Map Winner 5WG, 10WG	5WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bấp cái; sâu xanh da láng/ lạc; bọ trĩ/ dừa hấu; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài; bọ xít muỗi/ chè; sâu khoang/ cải xanh; Sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp /ớt; rầy xanh, sâu xanh /bí ngô 10WG: sâu cuốn lá/ lúa; sâu tơ/ bấp cái; sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muỗi/ chè; bọ trĩ/ dừa hấu; sâu xanh da láng/ lạc; rầy bông/ xoài sâu cuốn lá/ lúa	Map Pacific Pte Ltd
Matrix 1.9EC, 5WG		Công ty TNHH Nam Bộ
Mectinone 5.0ME, 5.0WG, 5.5WP, 22EC, 25WG	5.5WP, 25WG: sâu cuốn lá/ lúa 5.0ME, 5.0WG: Sâu cuốn lá/ lúa 22EC: Sâu đục thân/ lúa	Công ty TNHH Pháp Thủy Sĩ
Mekomectin 1.9EC, 3.8EC, 45.5EC, 50.5EC, 55.5EC, 70WG, 105WG, 125WG	1.9EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bấp cái; sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 3.8EC: sâu xanh/ cà chua; sâu tơ/ bấp cái; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam 45.5EC, 50.5EC: nhện đỏ/ cam; sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa 55.5EC: Sâu đục quả/đậu xanh; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; nhện đỏ/ cam 70WG: Sâu đục quả/đậu xanh; rầy nâu, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh da láng/lạc 105WG, 125WG: Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuộc BVT Nam Nông
Mikmire 2.0 EC, 7.9EC, 14.9WG	2.0EC: bọ xít, sâu đục quả/ vải; rầy bông/ xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bấp cái; sâu xanh/ cà chua 7.9EC: sâu tơ/bấp cái 14.5WG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVT Minh Khai

Moousa 20EC, 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Hoà sinh Phong Phú
Nazomi 2.0EC, 5WG	sâu vẽ bùa/ cam, sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH Kiến Nam
Newgreen 2.0 EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH - TM Thái Phong
Newmectin 0.2 ME, 2.0 EC, 5WP, 0.5ME, 41ME, 53WG, 126WG	0.2ME: sâu tơ, bọ nhậy/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu tương; rệp sáp/ cà phê; rầy nâu, sâu cuốn lá/ lúa; rệp đào/ thuốc lá; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè; sâu vẽ bùa/ bưởi; rầy xanh/ xoài 2.0EC: rầy nâu/ lúa 5WP: bọ cánh tơ/ chè 0.5ME: rầy xanh/ xoài 41ME, 53WG, 126WG: sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
New Tapky 0.2 EC, 10EC	0.2EC: sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; nhện đỏ/ cam 10EC: Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty TNHH MTV Thuận Hưng
Oman 2EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng/ su hào; bọ trĩ/ chè; nhện đỏ/ cam; sâu xanh da láng/ cà chua, thuốc lá; sâu khoang/ lạc, đậu côve; bọ trĩ/ bí xanh, đũa chuột; sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP Dầu tư TM & PT NN ADI
Proclaim 1.9 EC	sâu tơ/ bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/ lúa; nhện đỏ/ cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/ xoài; sâu đục quả/ bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/ thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/ chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/ cà chua; sâu xanh da láng/ hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/ súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn	Syngenta Vietnam Ltd
Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá/ lúa, nhện đỏ/ cam, sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH World Vision (VN)
Prodifé's 1.9 EC, 5.8EC, 5WG, 6WG, 8WG	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 5.8EC: rầy bông/ xoài, sâu cuốn lá/ lúa, nhện lông nhung/nhãn 5WG: rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

	6WG: rầy nâu/ lúa, nhện lông nhung/nhân 8WG: sâu cuốn lá/lúa	
Promectin 1.0EC, 5.0 EC, 100WG	1.0EC: sâu cuốn lá, rầy nâu, sâu đục bẹ, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/ bắp cải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; bọ xít muỗi, bọ cánh tơ/ chè; bọ trĩ, rệp bông/ xoài 5.0EC: sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh da láng/ lạc; sâu vẽ bùa/ cam; bọ trĩ/ nho; rệp bông/ xoài 100WG: sâu cuốn lá/ lúa, bọ trĩ/ xoài, sâu xanh da láng/ đậu tương, sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông Việt
Quiluxny 1.9EC, 55.5EC, 72EC, 6.0WG	1.9EC: sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 55.5EC, 72EC: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa 6.0WG: Sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/ lúa; rầy xanh/ chè; sâu tơ/ bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
Remy 40EC, 19EC, 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
Rholam 20EC, 50WP, 42EC, 58EC, 68WG	20EC: sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/ lúa; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/ chè; dòi đục lá/ cà chua; nhện lông nhung/ vải; sâu đục quả/ xoài 50WP: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ súp lơ; nhện đỏ/ cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/ chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/ lúa; rệp sáp/ cà phê 42EC: Sâu cuốn lá/lúa 58EC: Sâu khoang/lạc 68WG: Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông được Nhật Việt
Roofor 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH MTV TM Hoàng Kim Bảo
Sausto 1EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu khoang/ lạc, đậu cove; sâu xanh/ cà chua	Công ty TNHH CNSH Khải Hoàn
Sherdoba 20EC, 55WG	20EC: Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa 55WG: Sâu cuốn lá/lúa	Doanh nghiệp Tư nhân DV TM M & Q

Silsau super 1EC, 1.9EC, 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC, 5WP	1EC, 1.9EC, 5WP: sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải 2.5EC, 3EC, 3.5EC, 4EC: sâu cuốn lá, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu vẽ bùa/ cam	Công ty TNHH ADC
	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/ dưa hấu, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài	
Sittobios 19EC, 40EC, 50SG	5 WP: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; rệp/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 10EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/ bắp cải; dòi đục lá/ cà chua; bọ cánh tơ/ chè, sâu khoang/ lạc; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam 19EC, 40EC: sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rệp/ ngô; sâu tơ, bọ nhày/ bắp cải; dòi đục lá/ đậu nành; sâu khoang/ lạc; bọ trĩ/ dưa hấu, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè, nhện đỏ, sâu vẽ bùa/ cam; rầy bông/ xoài 10SSG: Nhện đỏ/cam 158SG: sâu tơ/bắp cải 198SG: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Hoàng Nông
Starimec 5 WG, 10EC, 19EC, 40EC, 105SG, 158SG, 198SG	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/ lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/ bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/ lạc; sâu đục quả/ đậu tương; bọ trĩ/ dưa hấu; nhện lông nhung/ vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chồng cánh/ cam; rầy bông/ xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/ chè, rệp sáp/ hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/ hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
Susupes 1.9 EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/ lúa; rầy bông, rệp sáp/ xoài; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
Tamala 1.9 EC	2.0EC: sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ/ bắp cải; sâu đục quả/ đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/ dưa hấu, nhện đỏ/ cam	Công ty TNHH TM DV Tân Hưng
Tanwin 2.0 EC, 4.0EC, 5.5WG		

	4.0EC: nhện gié/ lúa 5.5WG: rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	
Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 5EC, 5WG	1.0EC, 1.9EC: sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/ bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đỏ, nhện đỏ/ hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/ cam; bọ trĩ/ dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/ thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/ nhãn; sâu xanh/ cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/ lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/ vải; sâu róm/ thông; rầy, sâu xanh/ hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/ điều; rệp sáp/ cà phê; rầy/ xoài 2WG, 5WG: sâu róm/ thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/ bắp cải; bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/ lúa; nhện đỏ/ cam; bọ cánh tơ/ chè; bọ xít/ vải, nhãn 3EC, 5EC: Bọ trĩ/ dưa chuột; bọ xít/ vải, nhãn; sâu cuốn lá, sâu đục thân/ lúa; sâu tơ/ bắp cải	Công ty TNHH Việt Thắng
Tikemectin 2EC, 4EC, 20WG, 6.0EC, 60WG, 80WG	2EC, 4EC: sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/ lúa; sâu tơ, sâu khoang/ bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhày/ cải xanh; dòi đục lá/ cà chua; bọ trĩ/ dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/ cam; rầy bông/ xoài 6.0EC, 60WG, 20WG: sâu cuốn lá/ lúa 80WG: Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Vật tư KTTN Cần Thơ
Tungmectin 1.0EC, 1.9EC, 5EC, 5WG	1.0EC: sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá/ cà chua; sâu xanh da láng, sâu đục quả/ đậu xanh; ruồi đục quả, sâu vẽ bùa/ cam; sâu cuốn lá nhỏ, sâu phao, sâu đục bẹ, bọ xít dài, bọ trĩ, nhện gié/ lúa; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/ chè 1.9EC: sâu tơ/ bắp cải; sâu xanh/ cải xanh; sâu xanh da láng/ đậu xanh; sâu đục quả/ đậu tương;	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng